



HỌC VIỆN TÀI CHÍNH
PHÂN HIỆU HƯNG YÊN

60- 97

Phòng thi: 1
Giảng đường: A1_CS2

DANH SÁCH SINH VIÊN ĐHCQ K12 THI HẾT HỌC PHẦN HK2 2025-2026

Học phần: Mô hình toán kinh tế

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	tên	Ngày sinh	Lớp	Lớp HP	Phách	Điểm thi	Số tờ	Ký nộp	Ghi chú
1	000001	1201040003	Đỗ Duy	Anh	29/11/2004	CT12A	01					HP, ĐK
2	000002	1201040006	Lê Đỗ Kiều	Anh	24/10/2006	CT12A	01	97	3,0	1	Anh	chấn
3	000003	1201040009	Vũ Thị Hồng	Ánh	16/06/2006	CT12A	01	96	3,0	1	Ánh	le?
4	000004	1201040012	Lê Đăng	Định	01/07/2005	CT12A	01	95	3,5	1	Định	chấn
5	000005	1201040016	Nguyễn Trường	Giang	09/11/2006	CT12A	01	94	2,0	1	Giang	le?
6	000006	1201040017	Nguyễn Hồng	Hạnh	16/10/2006	CT12A	01	93	4,5	1	Hạnh	chấn
7	000007	1201040020	Võ Thị	Huệ	18/04/2005	CT12A	01	92	không	1	Huệ	le?
8	000008	1201040022	Bùi Trịnh Việt	Huy	03/09/2006	CT12A	01	91	2,5	1	Huy	chấn
9	000009	1201040023	Nguyễn Mạnh	Huy	15/01/2006	CT12A	01					HP
10	000010	1201041470	Thạch Thu	Huyền	19/08/2006	CT12A	01	90	5,5	1	Huyền	chấn
11	000011	1201040025	Dương Quốc	Khánh	30/08/2006	CT12A	01	89	4,0	1	Khánh	le?
12	000012	1201040026	Dương Diệu	Linh	28/09/2006	CT12A	01	88	3,5	2	Linh	chấn
13	000013	1201040027	Nguyễn Thùy	Linh	04/01/2006	CT12A	01	87	5,5	1	Linh	le?
14	000014	1201040028	Phạm Thị Thảo	Linh	27/09/2006	CT12A	01	86	5,0	1	Linh	chấn
15	000015	1201040030	Ninh Hoàng	Long	24/06/2006	CT12A	01	85	5,5	1	Long	le?
16	000016	1201040031	Hoàng Tuấn	Minh	07/03/2006	CT12A	01	84	2,5	1	Minh	chấn
17	000017	1201040659	Đinh Hoàng	Phong	17/09/2006	CT12A	01	83	6,5	1	Phong	le?
18	000018	1201040036	Phạm Minh	Tài	11/01/2006	CT12A	01	82	7,5	1	Tài	chấn
19	000019	1201040037	Nguyễn Tiến	Thành	02/06/2006	CT12A	01	81	5,0	1	Thành	le?
20	000020	1201040039	Ngô Thị Minh	Thư	20/08/2006	CT12A	01	79	7,5	1	Thư	chấn
21	000021	1201040042	Đỗ Quỳnh	Trang	23/06/2006	CT12A	01	78	9,0	2	Trang	le?
22	000022	1201040043	Đặng Anh	Tuấn	08/03/2006	CT12A	01	77	3,5	2	Tuấn	chấn
23	000023	1001020038	Nguyễn Hữu	Anh	28/02/2004	KD11A	01	80	1,5	1	Anh	le?
24	000024	1101020064	Cầm Minh	Đức	13/12/2005	KD11A	01					ĐK
25	000025	1101020241	Trần Thị Hoài	Phương	28/07/2005	KD11B	01	76	3,5	1	Ph	chấn le?
26	000026	1101020315	Nguyễn Việt	Tuấn	20/01/2005	KD11B	01	75	4,0	1	Tuấn	chấn
27	000027	1001011351	Mai Trung	Hoàng	26/01/2004	NH10A	01	74	1,5	1	Hoàng	le?

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	tên	Ngày sinh	Lớp	Lớp HP	Phách	Điểm thi	Số tờ	Ký nộp	Ghi chú
28	000028	1001030547	Đào Anh	Hào	15/01/2003	QM10A	01	73	một	01	Hào	chấm
29	000029	1001031464	Nguyễn Hà	Phương	06/08/2004	QM10B	01	72	3,0	01	Phương	HP Lê ^{Đã nộp}
30	000030	1101030602	Nguyễn Thị Thùy	Linh	10/07/2005	QM11A	01	71	1,5	01	Linh	HP ^{Đã nộp}
31	000031	1001030679	Trần Khánh	Quỳnh	01/11/2004	QM11A	01	70	5,0	01	Trần	Lê
32	000032	1001030527	Đinh Tiến	Dũng	12/02/2004	QT10B	01	69	1,5	01	Dũng	chấm
33	000033	0901010354	Nguyễn Thu	Hằng	29/09/2003	QT9B	01	68	3,5	01	Hằng	Lê
34	000034	1001010878	Lê Quang	Toàn	17/03/2004	TC10A	01	67	không	1	Toàn	chấm
35	000035	1001010802	Nguyễn Tùng	Lâm	12/03/2004	TC10B	01	66	3,0	01	Lâm	Lê
36	000036	1001080396	Phan Anh	Kiệt	30/01/2004	TM10A	01					ĐK
37	000037	1201061519	Bùi Xuân	An	10/01/2006	KA12A	02	65	mười	01	An	Lê
38	000038	1201060492	Phạm Thị Ngọc	Anh	10/06/2006	KA12A	02	64	6,5	01	Anh	chấm
39	000039	1201061634	Tăng Hà Kiều	Anh	04/05/2006	KA12A	02	63	7,5	01	Anh	Lê
40	000040	1201020063	Nguyễn Châu	Anh	06/03/2006	KC12A	02	62	4,0	1	Anh	chấm
41	000041	1201020071	Nguyễn Quỳnh	Anh	17/11/2006	KC12A	02	61	6,5	01	Anh	Lê
42	000042	1201020082	Phạm Trần Hải	Anh	11/11/2006	KC12A	02	60	3,0	01	Anh	chấm

Tổng số sinh viên dự thi: 38.....

Tổng số tờ giấy thi: 40....

Tổng số biên bản: 0.....

Ngày 12 tháng 06 năm 2026

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2


Nguyễn Thị Phương Hoa


Bùi Thị Nhung



DANH SÁCH SINH VIÊN ĐHCQ K12 THI HẾT HỌC PHẦN HK2 2025-2026

Học phần: Mô hình toán kinh tế

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	tên	Ngày sinh	Lớp	Giới tính	Phách	Điểm thi	Số tờ	Ký nộp	Ghi chú
1	000043	1201061522	Trịnh Thị Yến	Chi	11/02/2006	KA12A	Nữ	765	4,3	01	Chi	lẻ
2	000044	1201060496	Nguyễn Anh	Dũng	19/08/2006	KA12A	Nam	766	4,5	01	Dũng	chẵn
3	000045	1201061523	Nguyễn Tiến	Dũng	18/05/2006	KA12A	Nam					HP,ĐK
4	000046	1201060497	Hoàng Thị	Duyên	05/08/2006	KA12A	Nữ	767	6,5	01	Duyên	chẵn
5	000047	1201060499	Nguyễn Hương	Giang	28/12/2006	KA12A	Nữ	768	5,3	01	Giang	lẻ
6	000048	1201060504	Lê Thanh	Hoa	19/07/2006	KA12A	Nữ	769	9,5	01	Hoa	chẵn
7	000049	1201060505	Nguyễn Đức	Hoàng	29/06/2006	KA12A	Nam	770	7,0	01	Hoàng	lẻ
8	000050	1201061525	Phan Huy	Hoàng	10/10/2006	KA12A	Nam	771	7,5	01	Huy	chẵn
9	000051	1201060507	Đoàn Quang	Huy	04/07/2006	KA12A	Nam					HP,ĐK
10	000052	1201060511	Lê Thị Hoài	Linh	01/01/2006	KA12A	Nữ	772	8,0	01	Linh	chẵn
11	000053	1201060513	Nguyễn Khánh	Ly	09/05/2006	KA12A	Nữ	773	4,8	01	Ly	lẻ
12	000054	1201060515	Nguyễn Hồng	Minh	27/10/2006	KA12A	Nam	774	Không	01	Minh	HP, lẻ chẵn nộp
13	000055	1201060516	Lưu Quỳnh	Nga	05/04/2006	KA12A	Nữ	775	6,0	01	Nga	lẻ
14	000056	1201060517	Nguyễn Thị Phương	Nga	14/02/2006	KA12A	Nữ	776	3,0	01	Nga	chẵn
15	000057	1201060518	Nguyễn Thị Ánh	Ngọc	01/09/2006	KA12A	Nữ	777	4,5	01	Ngọc	lẻ
16	000058	1201060519	Lê Thái	Nguyên	25/10/2006	KA12A	Nam	778	4,0	01	Nguyên	chẵn
17	000059	1201060520	Ngô Long	Nhật	27/10/2003	KA12A	Nam	779	9,0	01	Nhật	lẻ
18	000060	1201060523	Đào Thị	Quỳnh	16/05/2006	KA12A	Nữ	780	5,5	01	Quỳnh	chẵn
19	000061	1201060524	Phạm Thanh	Tâm	17/07/2006	KA12A	Nữ	781	8,0	01	Tâm	lẻ
20	000062	1201060525	Lê Thị Thu	Thảo	31/07/2006	KA12A	Nữ	782	9,5	01	Thảo	chẵn
21	000063	1201060526	Nguyễn Thanh	Thảo	11/11/2006	KA12A	Nữ	783	8,5	01	Thảo	lẻ
22	000064	1201060527	Bùi Ánh	Thư	25/07/2006	KA12A	Nữ	784	3,5	01	Thư	lẻ chẵn
23	000065	1201020099	Vương Thị Ngọc	Ánh	03/12/2006	KC12A	Nữ	785	7,0	01	Ánh	lẻ
24	000066	1201020121	Đỗ Trung	Đoàn	20/11/2006	KC12A	Nam					ĐK
25	000067	1201020122	Bùi Minh	Đức	22/05/2006	KC12A	Nam	786	5,3	01	Đức	lẻ
26	000068	1201020124	Lục Hoàng Thùy	Dung	02/07/2006	KC12A	Nữ	787	7,5	01	Dung	chẵn
27	000069	1201020129	Trần Trung	Dũng	12/11/2006	KC12A	Nam					HP,ĐK
28	000070	1201020259	Trương Ngọc	Linh	25/12/2006	KC12A	Nữ	788	1,5	01	Linh	chẵn
29	000071	1201020282	Bùi Thanh	Mai	27/07/2006	KC12A	Nữ	789	5,8	01	Mai	lẻ
30	000072	1201020294	Lê Quang	Minh	25/09/2003	KC12A	Nam					HP,ĐK
31	000073	1201020376	Nguyễn Mai	Tâm	02/01/2006	KC12A	Nữ	790	5,0	01	Tâm	lẻ
32	000074	1201021511	Nguyễn Minh	Thu	14/08/2006	KC12A	Nữ	791	9,5	01	Thu	chẵn
33	000075	1001020199	Nguyễn Chiêu	Minh	08/07/2004	KD10D	Nam					HP
34	000076	1001020057	Vũ Thảo	Anh	12/02/2004	KD10E	Nữ					HP,ĐK

Tổng số sinh viên dự thi: 27

Tổng số tờ giấy thi: 27

Tổng số biên bản: 0

Ngày 12 tháng 06 năm 2026

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Đỗ Thị Quỳnh Anh

Lê Thị Thu Hà



DANH SÁCH SINH VIÊN ĐHCQ K12 THI HẾT HỌC PHẦN HK2 2025-2026

Học phần: Mô hình toán kinh tế

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	tên	Ngày sinh	Lớp	Lớp HP	Phách	Điểm thi	Số tờ	Ký nộp	Ghi chú
1	000077	1201060529	Đoàn Phúc	Toàn	01/11/2005	KA12A	02	421	5,0	01	Toàn	lẻ
2	000078	1201060532	Nguyễn Thị Kiều	Trang	05/05/2006	KA12A	02	422	2,0	01	Trang	chẵn
3	000079	1201060533	Nguyễn Đức	Trung	12/02/2006	KA12A	02	423	4,0	01	Trung	lẻ
4	000080	1201060534	Vương Tuấn	Tú	04/09/2006	KA12A	02					HP,ĐK
5	000081	1201060535	Vũ Duy	Vũ	23/06/2006	KA12A	02	424	9,8	01	Vũ	lẻ
6	000082	1201060537	Vũ Thị Thảo	Vy	16/11/2005	KA12A	02	425	6,0	01	Vy	chẵn
7	000083	1201020472	Nguyễn Huyền	Vi	17/09/2006	KC12A	02	426	8,0	01	Vi	lẻ
8	000084	1001021670	Lê Ngọc	Thúy	02/06/2004	KD10D	02	427	2,8	01	Thúy	chẵn
9	000085	1101010912	Nguyễn Kim	Xuân	21/03/2005	TC11A	02	428	0,3	01	Xuân	lẻ
10	000086	1201020046	Đinh Thu	An	07/12/2006	KD12A	03	429	3,5	01	An	chẵn
11	000087	1201020058	Lê Phương	Anh	14/01/2006	KD12A	03	430	9,5	01	Anh	lẻ
12	000088	1201020070	Nguyễn Quế	Anh	24/10/2006	KD12A	03	431	5,0	01	Anh	chẵn
13	000089	1201030728	Nguyễn Tú	Anh	15/11/2006	KD12A	03	432	9,0	01	Anh	lẻ
14	000090	1201020079	Phạm Hải	Anh	17/11/2006	KD12A	03	433	9,5	01	Anh	chẵn
15	000091	1201020085	Trần Diệu	Anh	03/10/2006	KD12A	03	434	9,5	01	Đananh	lẻ
16	000092	1201021663	Đỗ Thị Ngọc	Ánh	10/01/2006	KD12A	03	435	9,8	01	Ánh	chẵn
17	000093	1201021792	Phan Lưu Minh	Ánh	23/05/2004	KD12A	03	436	7,8	01	Minh	lẻ
18	000094	1201021692	Phạm Thành	Đạt	02/09/2006	KD12A	03	437	4,0	01	Đạt	chẵn
19	000095	1201020115	Đào Ngọc	Diệp	06/04/2006	KD12A	03	438	8,0	01	Diệp	lẻ
20	000096	1201021694	Đỗ Xuân	Đức	09/08/2004	KD12A	03	439	Không	01	Đức	chẵn
21	000097	1201020128	Dương Anh	Dũng	05/08/2006	KD12A	03	440	5,0	01	Dũng	lẻ
22	000098	1201020135	Nguyễn Thị Thùy	Dương	10/01/2006	KD12A	03	441	5,5	01	Dương	chẵn
23	000099	1201021484	Đỗ Thị Hương	Giang	12/11/2006	KD12A	03	442	6,8	01	Hương	lẻ
24	000100	1201020154	Vũ Thị Thu	Hà	10/09/2006	KD12A	03	443	2,0	01	Hà	chẵn
25	000101	1201020164	Nguyễn Thị Thu	Hằng	16/07/2006	KD12A	03	444	7,5	01	Hằng	lẻ
26	000102	1201021768	Ngô Thị	Hào	28/09/2006	KD12A	03	445	4,5	01	Hào	chẵn
27	000103	1201021821	Trần Thị Thu	Hiền	02/10/2006	KD12A	03	446	5,3	01	Hiền	lẻ
28	000104	1201020127	Đỗ Tiến	Dũng	19/02/2006	KD12G	03	447	4,8	01	Dũng	chẵn

Tổng số sinh viên dự thi: 27

Tổng số tờ giấy thi: 27

Tổng số biên bản: 0

Ngày 12 tháng 6 năm 2026

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Đinh Hằng

Đinh T. Kim Nhung



DANH SÁCH SINH VIÊN ĐHCQ K12 THI HẾT HỌC PHẦN HK2 2025-2026

Học phần: Mô hình toán kinh tế

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	tên	Ngày sinh	Lớp	Lớp HP	Phách	Điểm thi	Số tờ	Ký nộp	Ghi chú
1	000105	1201020204	Lê Thị	Trần Huyền	05/07/2006	KD12A	03	333	2,0	1	Huyền	lẻ
2	000106	1201020212	Nguyễn	Thu Huyền	01/01/2006	KD12A	03	334	3,5	1	Thu Huyền	Chẵn
3	000107	1201020218	Nguyễn Lê	Đặng Khánh	14/07/2006	KD12A	03					ĐK
4	000108	1201020222	Thân	Tuấn Kiệt	17/08/2006	KD12A	03	335	4,5	1	Kiệt	Chẵn
5	000109	1201020231	Nguyễn Lê	Phương Lan	16/12/2006	KD12A	03	336	5,0	1	Lan	lẻ
6	000110	1201021763	Đặng Thị	Thùy Linh	28/09/2006	KD12A	03	337	3,5	1	Linh	Chẵn
7	000111	1201020646	Đinh Thị	Diệu Linh	16/08/2006	KD12A	03	338	5,5	1	Diệu Linh	lẻ
8	000112	1201020251	Nguyễn Thái	Thùy Linh	05/05/2006	KD12A	03					HP, ĐK
9	000113	1201021495	Phạm	Phương Linh	19/07/2006	KD12A	03	339	5,5	1	Linh	lẻ
10	000114	1201020267	Trần	Hồng Loan	25/07/2006	KD12A	03	340	9,0	1	Loan	Chẵn
11	000115	1201020288	Nguyễn Thị	Như Mai	25/11/2006	KD12A	03	341	6,0	1	Như	lẻ
12	000116	1201020297	Hoàng Thị	Trà My	22/12/2006	KD12A	03	342	2,0	01	My	Chẵn
13	000117	1201021497	Đoàn Thị	Thu Nga	29/07/2006	KD12A	03	343	5,5	01	Nga	lẻ
14	000118	1201020311	Lê Thị	Ngân	02/04/2006	KD12A	03	344	9,5	01	Ngân	Chẵn
15	000119	1201021500	Ngô Thị	Mỹ Ngọc	05/10/2006	KD12A	03	345	5,5	01	Ngô	lẻ
16	000120	1201021000	Nguyễn Thị	Minh Ngọc	26/10/2006	KD12A	03	346	Mười	01	Ngọc	Chẵn
17	000121	1201020333	Khuông Thị	Uyên Nhi	26/08/2006	KD12A	03	347	7,5	01	Nhi	lẻ
18	000122	1201020350	Nguyễn Thị	Kim Oanh	09/03/2006	KD12A	03	348	Mười	01	Oanh	Chẵn
19	000123	1201021787	Lý	Thu Phương	14/10/2006	KD12A	03	349	5,5	01	Phương	lẻ
20	000124	1201020367	Vũ	Minh Quang	25/08/2005	KD12A	03					HP, ĐK
21	000125	1201020384	Đàm	Thanh Thảo	02/08/2005	KD12A	03	350	5,0	01	Thanh	
22	000126	1001020279	Nguyễn	Phương Thảo	30/10/2004	KD12A	03					ĐK
23	000127	1201020395	Trần Thị	Thanh Thảo	04/09/2006	KD12A	03	351	7,0	01	Thảo	
24	000128	1201020399	Đỗ	Thị Thu	30/08/2005	KD12A	03	352	4,5	01	Thu	Chẵn
25	000129	1201020410	Nguyễn	Anh Thư	21/12/2006	KD12A	03	353	7,5	01	Thư	lẻ
26	000130	1201020419	Vũ Thị	Thu Thủy	22/07/2006	KD12A	03	354	Mười	01	Thủy	Chẵn
27	000131	1201020428	Đinh	Quỳnh Trang	09/10/2006	KD12A	03	355	6,0	01	Trang	lẻ
28	000132	1201021514	Nguyễn	Huyền Trang	23/12/2006	KD12A	03	356	7,5	1	Trang	Chẵn
29	000133	1201020448	Phạm	Hà Trang	11/12/2006	KD12A	03	357	9,5	1	Trang	lẻ
30	000134	1201021517	Vũ Thị	Thu Trang	19/07/2006	KD12A	03	358	3,5	01	Trang	Chẵn
31	000135	1201020461	Nguyễn	Đặng Tuấn	26/09/2006	KD12A	03	359	6,5	1	Tuấn	lẻ
32	000136	1201020470	Phạm	Hồng Vân	31/12/2006	KD12A	03	360	6,5	01	Vân	Chẵn
33	000137	1201020479	Lê	Thị Vui	04/12/2005	KD12A	03	361	5,0	01	Vui	lẻ
34	000138	1101020262	Hoàng	Minh Thảo	27/09/2005	KD12D	03					ĐK

Tổng số sinh viên dự thi: 29

Tổng số tờ giấy thi: 29

Tổng số biên bản: 0

Ngày 12 tháng 06 năm 2026

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Sinh viên: Đoàn Thị Linh, Nguyễn Thị Đào



DANH SÁCH SINH VIÊN ĐHCQ K12 THI HẾT HỌC PHẦN HK2 2025-2026

Học phần: Mô hình toán kinh tế

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	tên	Ngày sinh	Lớp	Lớp HP	Phách	Điểm thi	Số tờ	Ký nộp	Ghi chú
1	000139	1201020051	Dương Huyền	Phương Anh	30/10/2006	KD12B	04	526	8,5	1	Anh	le'
2	000140	1201020089	Trần Thị	Ngọc Anh	30/08/2006	KD12B	04	527	7,0	1	Anh	cham
3	000141	1201020095	Hoàng Thị	Kim Ánh	02/09/2006	KD12B	04	528	9,0	1	Anh	le'
4	000142	1201020103	Đoàn	Linh Chi	24/04/2006	KD12B	04	529	Mười	1	Chi	cham
5	000143	1201020105	Lê Thị	Quỳnh Chi	18/08/2006	KD12B	04	530	7,5	1	Chi	le'
6	000144	1201020109	Phạm	Quỳnh Chi	19/06/2006	KD12B	04	531	5,0	1	Chi	cham
7	000145	1201020110	Tăng	Yến Chi	19/10/2006	KD12B	04	532	8,0	1	chi	le'
8	000146	1201021817	Nguyễn	Trung Đức	01/07/2006	KD12B	04	533	6,0	1	Đức	cham
9	000147	1201020126	Trần Thị	Phương Dung	14/03/2006	KD12B	04	534	8,5	1	Dung	le'
10	000148	1201021800	Nguyễn	Đức Dũng	06/01/2006	KD12B	04	535	5,0	1	Pung	cham
11	000149	1201020131	Đỗ Thị	Ánh Dương	19/06/2006	KD12B	04	536	8,0	1	Dung	le'
12	000150	1201021695	Nguyễn Thị	Thùy Dương	08/03/2006	KD12B	04	537	7,0	1	Dung	cham
13	000151	1201020142	Lại	Hương Giang	01/01/2006	KD12B	04	538	6,0	1	Giang	le'
14	000152	1201020151	Nguyễn	Thủy Hà	10/05/2006	KD12B	04	539	Mười	1	Hà	cham
15	000153	1201021811	Phạm Thị	Thúy Hằng	02/07/2006	KD12B	04	540	8,0	1	Hang	le'
16	000154	1201021776	Đỗ	Thanh Hiền	25/10/2004	KD12B	04	541	5,5	1	Hien	cham
17	000155	1201020177	Lê Thị	Quỳnh Hoa	28/09/2006	KD12B	04	542	3,5	1	Qua	le'
18	000156	1201020181	Hoàng	Thu Hoài	04/02/2006	KD12B	04	543	8,0	1	Hoai	cham
19	000157	1201020197	Nguyễn Thị	Thu Hương	06/11/2006	KD12B	04	544	2,5	1	Huong	le'
20	000158	1101020124	Nguyễn	Thanh Huyền	19/08/2005	KD12B	04	545	0,5	1	Huyen	HP đã nộp
21	000159	1201021490	Vũ	Khánh Huyền	18/03/2006	KD12B	04	546	2,0	1	Huyen	le'
22	000160	1201020232	Nguyễn	Thị Lan	11/10/2006	KD12B	04	547	9,8	1	Lan	cham
23	000161	1201021492	Đào Thị	Khánh Linh	26/10/2006	KD12B	04	548	6,0	1	linh	le'
24	000162	1201020258	Trần	Ngọc Linh	30/06/2006	KD12B	04	549	8,0	1	linh	cham
25	000163	1201020263	Lê	Thanh Loan	24/10/2006	KD12B	04	550	8,5	1	Loan	le'
26	000164	1201020264	Lê Thị	Kiều Loan	03/04/2006	KD12B	04	551	5,0	1	Loan	cham
27	000165	1201020268	Nguyễn	Thành Long	22/04/2006	KD12B	04	552	6,8	1	Long	le'
28	000166	1201020277	Lê	Cầm Ly	16/01/2006	KD12B	04	553	5,5	1	ly	cham
29	000167	1201020298	Lê Thị	Huyền My	22/07/2006	KD12B	04	554	1,5	1	My	le'
30	000168	1201021771	Nguyễn	Thị Nga	20/09/2006	KD12B	04	555	9,8	1	Nga	cham
31	000169	1201020308	Khuong	Thị Ngân	02/05/2006	KD12B	04	556	5,0	1	Ngan	le'
32	000170	1201020312	Nguyễn Thị	Kim Ngân	14/08/2006	KD12B	04	557	Mười	1	Ngan	cham
33	000171	1201020325	Vũ	Minh Nguyệt	06/07/2006	KD12B	04	558	7,0	1	Nguyen	le'
34	000172	1201020335	Nguyễn	Nguyệt Nhi	20/10/2006	KD12B	04	559	2,0	1	Nhi	cham
35	000173	1201020338	Tăng	Hoàng Yến Nhi	27/05/2006	KD12B	04	560	Không	1	Nhi	le'

Tổng số sinh viên dự thi: 35

Tổng số tờ giấy thi: 35

Tổng số biên bản: 0

Ngày 12 tháng 6 năm 2026

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Nguyễn Thị Thu

M. T. T. T. T.



DANH SÁCH SINH VIÊN ĐHCQ K12 THI HẾT HỌC PHẦN HK2 2025-2026

Học phần: Mô hình toán kinh tế

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	tên	Ngày sinh	Lớp	Lớp HP	Phách	Điểm thi	Số tờ	Ký nộp	Ghi chú
1	000174	1201020487	Dur Hải	Yến	11/08/2006	KD12A	03	420	không	01	Yến	chấn c
2	000175	1201020359	Ngô Thị Minh	Phương	19/02/2006	KD12B	04	419	3,5	01	Phu	le
3	000176	1201020368	Ngô Ngọc	Quyên	03/03/2006	KD12B	04	418	5,0	01	Quyên	chấn
4	000177	1201020385	Đỗ Phương	Thảo	19/01/2006	KD12B	04	417	2,0	01	Thảo	le
5	000178	1201021810	Nguyễn Phương	Thảo	01/07/2006	KD12B	04	416	5,0	01	Thảo	chấn
6	000179	1201031061	Nguyễn Phương	Thảo	25/02/2006	KD12B	04	415	6,5	01	Thảo	le
7	000180	1201020393	Nguyễn Thị Phương	Thảo	17/08/2006	KD12B	04	414	5,0	01	Th	chấn
8	000181	1201020400	Lê Hoàng Minh	Thu	02/08/2006	KD12B	04	413	6,5	01	Thu	le
9	000182	1101020283	Phạm Thị	Thương	11/03/2005	KD12B	04	412	9,8	01	Thương	chấn
10	000183	1201020413	Nguyễn Thị Thanh	Thúy	12/05/2003	KD12B	04	411	7,5	01	Thúy	le
11	000184	1201020422	Hoàng Kim	Tiếp	25/10/2006	KD12B	04					HP
12	000185	1201020423	Trần Thị	Toán	28/03/2000	KD12B	04	410	4,0	01	Phan	le
13	000186	1101021347	Phạm Bảo	Trân	19/01/2005	KD12B	04	409	4,0	01	hân	chấn
14	000187	1201021644	Đinh Thị Quỳnh	Trang	25/04/2006	KD12B	04	408	4,5	01	Trang	le
15	000188	1201020439	Nguyễn Quỳnh	Trang	30/06/2006	KD12B	04	407	0,5	01	Trang	chấn
16	000189	1201020449	Phạm Thị Huyền	Trang	03/01/2006	KD12B	04	406	7,3	01	Trang	le
17	000190	1201020462	Nguyễn Thị	Tươi	05/01/2006	KD12B	04	405	3,5	01	Tươi	chấn
18	000191	1201020471	Đỗ Thị Cẩm	Vi	16/10/2005	KD12B	04	404	4,0	01	Vi	le
19	000192	1201021144	Hoàng Lan	Vy	22/08/2006	KD12B	04	403	Mười	01	Vy	chấn
20	000193	1201020489	Lưu Thị Hải	Yến	26/10/2006	KD12B	04	402	5,5	01	Yến	le
21	000194	1101020019	Nguyễn Phương	Anh	06/11/2005	KD11E	05	401	8,5	01	Anh	chấn
22	000195	1101020921	Trần Hoài	Anh	17/12/2005	KD11E	05	400	1,5	01	Anh	le
23	000196	1201021655	Nguyễn Ngọc Quỳnh	Anh	30/11/2005	KD12C	05	399	5,0	01	Anh	chấn
24	000197	1201020072	Nguyễn Quỳnh	Anh	17/04/2004	KD12C	05					HP,ĐK
25	000198	1201020074	Nguyễn Thị Lan	Anh	16/06/2006	KD12C	05	398	5,0	01	Anh	chấn
26	000199	1201020081	Phạm Ngọc	Anh	28/07/2005	KD12C	05	397	4,8	01	Anh	le
27	000200	1201020111	Đỗ Thị	Cúc	03/01/2006	KD12C	05	396	Mười	01	Cúc	chấn
28	000201	1201020494	Trịnh Tuấn	Đạt	28/06/2006	KD12C	05	395	3,5	01	Đạt	le
29	000202	1201021603	Bùi Quỳnh	Diễm	25/02/2006	KD12C	05	394	5,0	01	Diễm	chấn
30	000203	1201020117	Lê Thị Huyền	Diệu	24/08/2006	KD12C	05	393	9,0	01	Diệu	le
31	000204	1201021807	Ngô Thị	Dung	08/12/2006	KD12C	05	392	3,5	01	Dung	chấn
32	000205	1001020956	Nguyễn Thị Ngọc	Dương	25/10/2004	KD12C	05	391	8,0	01	Dương	le
33	000206	1201020136	Nguyễn Thùy	Dương	28/06/2006	KD12C	05	390	8,0	01	Dương	chấn
34	000207	1201021671	Nguyễn Thị Hương	Giang	28/05/2006	KD12C	05	388	5,0	01	Giang	le
35	000208	1201021486	Trần Thị Thúy	Hà	15/02/2006	KD12C	05	389	4,5	01	Hà	chấn

Tổng số sinh viên dự thi: 33.....

Ngày 12 tháng 06 năm 2026

Tổng số tờ giấy thi: 33..

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Tổng số biên bản: 0.....

Phạm T. Ni

Trần Thị Tuyết Nhung



DANH SÁCH SINH VIÊN ĐHCQ K12 THI HẾT HỌC PHẦN HK2 2025-2026

Học phần: Mô hình toán kinh tế

Đề (Chấn)
↓
(Lê)

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	tên	Ngày sinh	Lớp	Lớp HP	Phách	Điểm thi	Số tờ	Ký nộp	Ghi chú
1	000209	1201020165	Phạm Việt	Hằng	07/11/2006	KD12C	05	216	9,0	1	Hồ ný	Le'
2	000210	1201020168	Đỗ Thị Thu	Hiền	14/07/2006	KD12C	05	217	3,5	1	Kiên	Chấn
3	000211	1201021770	Nguyễn Văn	Hiếu	19/11/2006	KD12C	05	218	3,5	1	Hiếu	Lê
4	000212	1201020191	Lò Thị	Hương	08/11/2005	KD12C	05	219	4,0	2	Hương	Chấn
5	000213	1201020202	Dương Khánh	Huyền	08/06/2006	KD12C	05	220	4,0	1	Thuyền	Lê
6	000214	1201021791	Nguyễn Đan	Khanh	17/12/2006	KD12C	05	221	3,5	1	Khanh	Chấn
7	000215	1201020220	Phùng Hữu	Khánh	03/09/2006	KD12C	05	222	Không	1	Khánh	Lê
8	000216	1201020224	Nguyễn Thị Thanh	Lam	18/08/2006	KD12C	05	223	9,5	1	Lam	Chấn
9	000217	1201020233	Nguyễn Thị Ngọc	Lan	01/09/2005	KD12C	05	224	9,5	1	Lan	Lê
10	000218	1201021783	Đỗ Thị Khánh	Linh	13/03/2006	KD12C	05	225	3,5	1	Linh	Chấn
11	000219	1201021704	Nguyễn Thị Hoài	Linh	15/12/2005	KD12C	05					HP
12	000220	1201020269	Lê Văn	Luân	21/08/2004	KD12C	05	226	3,0	1	Lưu	Chấn
13	000221	1201020306	Nguyễn Thị Quỳnh	Nga	16/12/2006	KD12C	05	227	6,5	1	Nga	Lê
14	000222	1201021601	Nguyễn Thị Kim	Ngân	07/10/2006	KD12C	05	228	8,0	1	Ngân	Chấn
15	000223	1201020318	Nguyễn Minh	Ngọc	24/11/2006	KD12C	05	229	6,3	1	Ngọc	Lê
16	000224	1201020319	Phạm Bích	Ngọc	20/08/2006	KD12C	05	249	4,5	1	Ngọc	Chấn
17	000225	1201020327	Nguyễn Thị	Nhài	08/12/2005	KD12C	05	230	9,3	1	Nhài	Lê
18	000226	1201021501	Phạm Hoàng Bảo	Nhi	20/08/2006	KD12C	05	231	5,0	1	Nhi	Chấn
19	000227	1201021819	Nguyễn Thị Hồng	Nhung	03/01/2006	KD12C	05	232	9,3	2	Nhung	Lê
20	000228	1201020352	Bùi Thu	Phương	08/09/2006	KD12C	05	233	2,5	1	Phương	Chấn
21	000229	1201020362	Phùng Minh	Phương	21/01/2006	KD12C	05	234	7,5	1	Phương	Lê
22	000230	0901020696	Vũ Mai	Phương	14/06/2003	KD12C	05	235	3,5	1	Phương	Chấn
23	000231	1201021805	Ngô Thị Thuý	Quỳnh	04/08/2006	KD12C	05	236	3,5	1	Quỳnh	Lê
24	000232	1201020377	Trần Thị Minh	Tâm	24/03/2006	KD12C	05	242	4,0	1	Tâm	Chấn
25	000233	1201020388	Lê Thị	Thảo	05/11/2006	KD12C	05	248	7,8	1	Thảo	Lê
26	000234	1201020402	Bùi Anh	Thư	24/07/2005	KD12C	05	237	4,0	1	Thư	Chấn
27	000235	1201020415	Đào Thị Thanh	Thùy	30/04/2006	KD12C	05	238	7,5	1	Thùy	Lê
28	000236	1201021820	Nguyễn Mai	Trang	06/06/2006	KD12C	05	239	4,5	1	Trang	Chấn
29	000237	1201021751	Nguyễn Thị Huyền	Trang	02/02/2006	KD12C	05	240	7,8	01	Trang	Lê
30	000238	1201020447	Nguyễn Thùy	Trang	23/04/2006	KD12C	05	241	4,5	01	Trang	Chấn
31	000239	1201020450	Phạm Thị Ngọc	Trang	06/07/2006	KD12C	05	243	9,3	01	Trang	Lê
32	000240	1201021777	Trần Đình	Trung	03/04/2006	KD12C	05	244	4,0	02	Trung	Chấn
33	000241	1201020465	Nguyễn Tú	Uyên	26/04/2006	KD12C	05	245	7,8	1	Uyên	Lê
34	000242	1201020473	Nguyễn Khánh	Vi	23/04/2006	KD12C	05	246	5,0	1	Vi	Chấn
35	000243	0810211204	Nguyễn Trần Thiên	Son	26/07/2002	KD8D	05	247	3,0	1	Son	Lê

Tổng số sinh viên dự thi:.....34

Tổng số tờ giấy thi:.....36

Tổng số biên bản:.....0

Ngày: 12 tháng 06 năm 2026

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Nguyễn Thị Minh Tâm

Trần Thị Minh Tâm



DANH SÁCH SINH VIÊN ĐHCQ K12 THI HẾT HỌC PHẦN HK2 2025-2026

Học phần: Mô hình toán kinh tế

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	tên	Ngày sinh	Lớp	Lớp HP	Phách	Điểm thi	Số tờ	Ký nộp	Ghi chú
1	000244	1201021806	Lê Hải	Anh	21/10/2006	KD12D	06	506	3,5	1	Ag	Chấn
2	000245	1201021672	Nguyễn Thị Kiều	Anh	09/06/2006	KD12D	06	505	7,3	1	Anh	lẻ
3	000246	1201021669	Phan Thị Ngọc	Anh	01/01/2006	KD12D	06	504	8,0	1	Ng	chấn
4	000247	1201020091	Trần Thị Vân	Anh	27/10/2006	KD12D	06	503	8,0	1	Anh	lẻ
5	000248	1101020036	Lê Thị Ngọc	Ánh	25/06/2005	KD12D	06	502	9,5	1	Anh	chấn
6	000249	1201021637	Nguyễn Hồng	Ánh	25/09/2006	KD12D	06	501	5,3	1	Anh	lẻ
7	000250	1201020106	Lý Quỳnh	Chi	31/03/2006	KD12D	06	500	mười	1	Chi	chấn
8	000251	1201021477	Phạm Lệ	Diễm	23/06/2006	KD12D	06	499	9,0	1	Diễm	lẻ
9	000252	1201020125	Nguyễn Thị Thùy	Dung	26/04/2006	KD12D	06	498	mười	1	Dung	chấn
10	000253	1201020132	Đỗ Thị Quỳnh	Dương	31/07/2006	KD12D	06	497	8,8	02	Dung	lẻ
11	000254	1201020144	Trần Hương	Giang	22/11/2006	KD12D	06	496	4,5	1	Giang	chấn
12	000255	1201020157	Đặng Thị	Hân	08/04/2006	KD12D	06	495	9,3	1	Hân	lẻ
13	000256	1201020166	Lê Mỹ	Hạnh	13/11/2006	KD12D	06	494	5,0	1	Hạnh	chấn
14	000257	1101020958	Trần Thị Thúy	Hiền	29/12/2005	KD12D	06	493	6,0	1	Hiền	lẻ
15	000258	1201020174	Dương Xuân	Hình	11/01/2006	KD12D	06					Vắng
16	000259	1201021488	Ngô Thị Thu	Hương	09/10/2006	KD12D	06	492	6,5	1	Hương	lẻ
17	000260	1201020209	Nguyễn Thị	Huyền	27/10/2006	KD12D	06	491	7,5	1	Huyền	chấn
18	000261	1201021656	Nguyễn Lê	Khanh	07/04/2006	KD12D	06	490	9,5	1	Khanh	lẻ
19	000262	1201021815	Nguyễn Đăng	Khôi	09/12/2006	KD12D	06	489	8,0	1	Khôi	chấn
20	000263	1201020225	Lê Thanh	Lâm	30/09/2006	KD12D	06	488	5,5	1	Lâm	lẻ
21	000264	1201020234	Trần Thị Ngọc	Lan	02/03/2006	KD12D	06	487	mười	1	Lan	chấn
22	000265	1201020241	Dur Thị Thùy	Linh	08/03/2006	KD12D	06	486	9,5	1	Linh	lẻ
23	000266	1201020254	Nguyễn Thị Thùy	Linh	25/04/2006	KD12D	06	485	4,0	1	Linh	chấn
24	000267	1201020280	Phạm Quỳnh	Ly	29/08/2006	KD12D	06	484	8,0	1	Ly	lẻ
25	000268	1101020179	Bùi Ngọc	Mai	18/02/2005	KD12D	06	483	1,5	1	Mai	chấn
26	000269	1201020291	Vũ Thị Huệ	Mẫn	15/11/2006	KD12D	06	482	5,5	1	Mẫn	lẻ
27	000270	1201020292	Bùi Thị Ngọc	Minh	01/09/2006	KD12D	06	481	2,0	1	Minh	chấn
28	000271	1201020300	Nguyễn Thị Trà	My	14/03/2006	KD12D	06	480	6,5	1	My	lẻ
29	000272	1201020307	Chu Thị Phương	Ngân	03/06/2004	KD12D	06	479	9,0	1	Ngân	chấn
30	000273	1201021708	Quách Thanh	Ngọc	14/08/2006	KD12D	06	478	3,3	1	Ngọc	lẻ
31	000274	1201020322	Đoàn Nhật	Nguyên	19/08/2006	KD12D	06	477	mười	1	Ng	chấn
32	000275	1201020330	Đặng Thị Yến	Nhi	21/09/2006	KD12D	06	476	8,0	1	Nhi	lẻ
33	000276	1201020339	Trần Ánh	Nhi	13/06/2006	KD12D	06	475	8,5	1	Nhi	chấn
34	000277	1201020347	Nguyễn Thị Thùy	Ninh	03/10/2006	KD12D	06	474	5,0	1	Ninh	lẻ
35	000278	1201020353	Chích Hoàng	Phương	16/07/2005	KD12D	06	473	6,5	1	Phương	chấn

Tổng số sinh viên dự thi: 34

Tổng số tờ giấy thi: 35

Tổng số biên bản: 0

Ngày 12 tháng 06 năm 2026

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Phạm Thị Chanh

Đinh Thị Luyện



DANH SÁCH SINH VIÊN ĐHCQ K12 THI HẾT HỌC PHẦN HK2 2025-2026

Học phần: Mô hình toán kinh tế

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	tên	Ngày sinh	Lớp	Lớp HP	Phách	Điểm thi	Số tờ	Ký nộp	Ghi chú
1	000279	1201020482	Đinh Kiều	Xuân	06/05/2006	KD12C	05	809	8,0	01	Xuân	lẻ
2	000280	1201021606	Nguyễn Thị Hải	Yến	23/07/2006	KD12C	05	810	9,0	02	Yến	chẵn
3	000281	1201020363	Trần Phan Thanh	Phuong	06/12/2006	KD12D	06	811	8,5	01	Ph	lẻ
4	000282	1201020378	Lê Hoàng	Tân	04/12/2006	KD12D	06	812	4,5	01	Tân	chẵn
5	000283	1201020389	Lê Thị Huyền	Thảo	27/10/2006	KD12D	06	813	7,0	02	Thảo	lẻ
6	000284	1201020394	Nguyễn Thị Phương	Thảo	17/06/2006	KD12D	06	814	muối	01	Thảo	chẵn
7	000285	1201020416	Đào Thanh	Thủy	19/09/2006	KD12D	06	815	9,8	01	Thủy	lẻ
8	000286	1201020424	Đoàn Thị Thu	Trà	07/03/2006	KD12D	06	816	muối	01	Trà	chẵn
9	000287	1201020431	Hoàng Thị Thu	Trang	19/01/2006	KD12D	06	817	không	01	Th	lẻ
10	000288	1201020435	Nguyễn Ngọc	Trang	09/11/2006	KD12D	06	818	9,8	01	Trang	chẵn
11	000289	1201020443	Nguyễn Thị Thu	Trang	23/03/2006	KD12D	06	819	8,3	01	Trang	lẻ
12	000290	1201020451	Phạm Thu	Trang	29/06/2005	KD12D	06	820	9,8	01	Trang	chẵn
13	000291	1201020453	Trần Huyền	Trang	29/07/2006	KD12D	06	821	9,3	01	Trang	lẻ
14	000292	1201020475	Đinh Văn	Vĩ	10/02/2006	KD12D	06	822	4,0	01	Vĩ	chẵn
15	000293	1201020483	Đào Nguyễn Như	Ý	25/02/2006	KD12D	06	823	8,5	01	Đào	lẻ
16	000294	1201020491	Vũ Hải	Yến	07/12/2006	KD12D	06	824	muối	01	Yến	chẵn
17	000295	1201020056	Lê Ngọc	Anh	13/07/2006	KD12E	07	825	6,5	01	Anh	lẻ
18	000296	1201020068	Nguyễn Phương	Anh	10/12/2006	KD12E	07	826	2,5	01	Anh	chẵn
19	000297	1201020076	Nguyễn Thị Vân	Anh	04/10/2006	KD12E	07	827	5,8	01	Anh	lẻ
20	000298	1201020083	Phan Thị Quỳnh	Anh	23/11/2006	KD12E	07	828	4,5	01	Anh	chẵn
21	000299	1201020096	Nguyễn Ngọc	Ánh	08/04/2006	KD12E	07	829	6,0	01	Ánh	lẻ
22	000300	1201020107	Nguyễn Linh	Chi	04/09/2006	KD12E	07	830	3,0	01	Chi	chẵn
23	000301	1201020112	Phùng Mạnh	Cường	06/01/2006	KD12E	07	831	5,0	01	Cường	lẻ
24	000302	1201020113	Trịnh Thị	Diễm	12/05/2006	KD12E	07	832	2,5	01	Diễm	chẵn
25	000303	1201020116	Phạm Lê Ngọc	Diệp	25/12/2006	KD12E	07	833	5,0	01	Th	lẻ
26	000304	1201021693	Hà Thị	Dịu	05/12/2006	KD12E	07	834	5,0	01	Hà	chẵn
27	000305	1201020133	Lê Thùy	Dương	24/04/2005	KD12E	07	835	3,0	01	Lê	lẻ
28	000306	1201021665	Vũ Thùy	Dương	22/02/2006	KD12E	07	836	2,5	01	Vũ	chẵn

Tổng số sinh viên dự thi: 28...

Tổng số tờ giấy thi: 30

Tổng số biên bản: 0

Ngày 12 tháng 6 năm 2026

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Phạm Linh Chi

Luyện Thùy Dung



306-332

40

DANH SÁCH SINH VIÊN ĐHCQ K12 THI HẾT HỌC PHẦN HK2 2025-2026

Học phần: Mô hình toán kinh tế

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	tên	Ngày sinh	Lớp	Lớp HP	Phách	Điểm thi	Số tờ	Ký nộp	Ghi chú
1	000307	1201020146	Đào Thu	Hà	04/05/2006	KD12E	07	332	5,0	1	Hà	lẻ
2	000308	1201021822	Vũ Thị	Hà	16/01/2006	KD12E	07	331	6,5	1	Hà	chẵn
3	000309	1201020158	Nguyễn Ngọc	Hân	06/11/2006	KD12E	07	330	3,5	1	Hân	lẻ
4	000310	1201021487	Lục Thủy	Hạnh	24/11/2006	KD12E	07	329	6,5	1	Hạnh	chẵn
5	000311	1201020169	Đỗ Thu	Hiền	29/03/2006	KD12E	07	328	mười	1	Hiền	lẻ
6	000312	1201020175	Đỗ Quỳnh	Hoa	05/07/2006	KD12E	07	327	8,0	1	Hoa	chẵn
7	000313	1201020184	Nguyễn Thị	Hồng	06/02/2006	KD12E	07	326	không	1	Hồng	lẻ
8	000314	1201020192	Ngô Thu	Hương	04/06/2006	KD12E	07					HP,ĐK
9	000315	1201020200	Nguyễn Khánh	Huông	28/12/2006	KD12E	07	325	4,5	1	Huông	lẻ
10	000316	1201020210	Nguyễn Thị Thu	Huyền	23/12/2006	KD12E	07	324	2,0	1	Huyền	chẵn
11	000317	1201020216	Ngô Ngọc	Khánh	04/10/2006	KD12E	07	323	5,0	01	Khánh	lẻ
12	000318	1201020221	Hoàng Thị	Khuê	13/01/2005	KD12E	07	322	4,5	01	Khuê	chẵn
13	000319	1201020226	Nguyễn Bảo	Lâm	14/10/2006	KD12E	07	320	7,5	01	Lâm	lẻ
14	000320	1201020236	Vũ Thị Kim	Lan	18/01/2006	KD12E	07	319	9,5	1	Lan	chẵn
15	000321	1201020245	Lã Thị Phương	Linh	06/11/2006	KD12E	07	318	3,5	01	Linh	lẻ
16	000322	1201020272	Đào Thị Thanh	Luyến	30/06/2006	KD12E	07	317	8,0	01	Luyến	chẵn
17	000323	1201020285	Đỗ Ngọc	Mai	02/11/2006	KD12E	07	316	3,5	01	Mai	lẻ
18	000324	1201021654	Trương Thị Ngọc	Mai	04/10/2006	KD12E	07	315	mười	01	Mai	chẵn
19	000325	1201020293	Đỗ Đức	Minh	18/05/2006	KD12E	07	314	5,0	01	Minh	lẻ
20	000326	1201020314	Phạm Hồng	Ngát	06/04/2005	KD12E	07	313	7,5	01	Ngát	chẵn
21	000327	1201020320	Trịnh Minh	Ngọc	28/12/2006	KD12E	07	312	8,8	01	Ngọc	lẻ
22	000328	1201021600	Nguyễn Thảo	Nguyên	16/09/2006	KD12E	07	311	9,8	01	Nguyễn	chẵn
23	000329	1201021813	Đỗ Trần Yến	Nhi	07/06/2006	KD12E	07	310	4,5	01	Nhi	lẻ
24	000330	1201020341	Trương Thị Yến	Nhi	04/10/2006	KD12E	07	309	mười	01	Nhi	chẵn
25	000331	1201020348	Trần Thị Ánh	Ninh	23/08/2006	KD12E	07	308	9,5	01	Ninh	lẻ
26	000332	1201020354	Đặng Thị Minh	Phương	21/12/2006	KD12E	07	307	6,0	01	Phương	chẵn
27	000333	1201021505	Nguyễn Như	Quỳnh	09/01/2006	KD12E	07	306	6,0	01	Quỳnh	lẻ
28	000334	1201020379	Đinh Phương	Thanh	13/08/2006	KD12E	07	322	9,8	01	Thanh	chẵn

Tổng số sinh viên dự thi: 27

Tổng số tờ giấy thi: 27

Tổng số biên bản: 0

Ngày 12 tháng 6 năm 2026

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Trần Thị Lý

Đỗ Thu, Vũ



HỌC VIỆN TÀI CHÍNH

PHÂN HIỆU HƯNG YÊN

Phòng thi: 11

Giảng đường: A11_CS2

DANH SÁCH SINH VIÊN ĐHCQ K12 THI HẾT HỌC PHẦN HK2 2025-2026

Học phần: Mô hình toán kinh tế

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	tên	Ngày sinh	Lớp	Lớp HP	Phách	Điểm thi	Số tờ	Ký nộp	Ghi chú
1	000335	1201020390	Lê Thị Phương	Thảo	23/02/2006	KD12E	07	622	6,3	1	Thảo	lẻ
2	000336	1201020404	Lê Anh	Thư	12/11/2006	KD12E	07	621	8,5	1	Thư	chẵn
3	000337	1201020417	Trần Thu	Thủy	19/08/2006	KD12E	07	620	9,0	1	Thủy	lẻ
4	000338	1201021670	Đỗ Thị	Trâm	03/07/2006	KD12E	07	619	muối	2	Trâm	chẵn
5	000339	1201020436	Nguyễn Quỳnh	Trang	25/08/2006	KD12E	07	618	5,8	1	Trang	lẻ
6	000340	1201020446	Nguyễn Thùy	Trang	10/01/2005	KD12E	07	617	4,5	1	Trang	chẵn
7	000341	1201020452	Thân Hiền	Trang	08/03/2006	KD12E	07	616	7,3	1	Trang	lẻ
8	000342	1201020684	Nguyễn Thanh	Tú	23/10/2006	KD12E	07	615	4,5	1	SK	chẵn
9	000343	1201020468	Lê Thùy	Vân	17/09/2006	KD12E	07	614	8,8	2	Nam	lẻ
10	000344	1201020476	Ngô Lê Hoàng	Việt	14/07/2006	KD12E	07	613	5,0	1	Việt	chẵn
11	000345	1201020057	Lê Nhật	Anh	14/01/2006	KD12G	08	612	8,5	1	Anh	lẻ
12	000346	1201020069	Nguyễn Phương	Anh	16/11/2006	KD12G	08					HP,ĐK
13	000347	1201020077	Nguyễn Thùy	Anh	02/07/2006	KD12G	08	611	5,0	1	Anh	lẻ
14	000348	1201020084	Phùng Quỳnh	Anh	05/06/2006	KD12G	08	610	9,5	1	Anh	chẵn
15	000349	1201020093	Bùi Thị Ngọc	Ánh	22/04/2006	KD12G	08	609	5,5	1	Anh	lẻ
16	000350	1201020097	Nguyễn Thị Ngọc	Ánh	30/07/2006	KD12G	08	608	7,5	1	Anh	chẵn
17	000351	1201020108	Nguyễn Mai	Chi	31/05/2006	KD12G	08	607	9,0	1	Chi	lẻ
18	000352	1201021823	Dương Thị Anh	Đào	26/09/2004	KD12G	08	606	8,0	1	Đào	chẵn
19	000353	1201020114	Hoàng Thị	Điềm	10/01/2005	KD12G	08	605	9,3	01	Điềm	lẻ
20	000354	1201020120	Nguyễn Thị	Dịu	15/12/2006	KD12G	08	604	5,5	01	Dịu	chẵn
21	000355	1201020134	Ngô Thùy	Dương	10/07/2006	KD12G	08	603	6,0	1	SK	lẻ
22	000356	1201020139	Vũ Đức	Duy	22/10/2003	KD12G	08	602	5,0	1	Duy	chẵn
23	000357	1201020153	Vũ Thị Thu	Hà	22/06/2006	KD12G	08	601	1,5	1	Hà	lẻ
24	000358	1201020156	Ngô Thị Thanh	Hải	11/09/2006	KD12G	08					HP,ĐK
25	000359	1201020159	Phạm Thị Thùy	Hân	04/07/2006	KD12G	08	590	5,0	1	Hân	lẻ
26	000360	1201020167	Ngô Minh	Hạnh	17/02/2006	KD12G	08	600	6,0	1	Minh	chẵn
27	000361	1201021801	Đỗ Thị Thu	Hiền	24/08/2006	KD12G	08	599	4,0	1	Hiền	lẻ
28	000362	1201020171	Phạm Ngọc	Hiền	23/07/2006	KD12G	08	598	9,5	2	Hiền	chẵn
29	000363	1201020186	Trần Thị Hồng	Huê	16/11/2006	KD12G	08	597	8,8	1	Huê	lẻ
30	000364	1201020195	Nguyễn Thanh	Hương	11/02/2006	KD12G	08	596	9,0	1	SK	chẵn
31	000365	1201020201	Nguyễn Quang	Huy	29/01/2004	KD12G	08	595	5,0	1	Huy	lẻ
32	000366	1201020211	Nguyễn Thị Thu	Huyền	05/06/2006	KD12G	08	594	4,0	1	Huyền	chẵn
33	000367	1201020217	Nguyễn Bá	Khánh	01/08/2006	KD12G	08	593	8,3	1	Khánh	lẻ
34	000368	1201021491	Đặng Trung	Kiên	23/09/2006	KD12G	08	592	4,5	1	Kiên	chẵn
35	000369	1201020230	Bùi Thị Ngọc	Lan	30/04/2006	KD12G	08	591	5,0	1	Lan	lẻ

Tổng số sinh viên dự thi: 35

Tổng số tờ giấy thi: 36

Tổng số biên bản: 0

Ngày 12 tháng 06 năm 2026

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Đỗ Thu Hương

Thị Ngọc



HỌC VIỆN TÀI CHÍNH
PHÂN HIỆU HƯNG YÊN

Phòng thi: 12
Giảng đường: A12_CS2

DANH SÁCH SINH VIÊN ĐHCQ K12 THI HẾT HỌC PHẦN HK2 2025-2026

Học phần: Mô hình toán kinh tế

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	tên	Ngày sinh	Lớp	Lớp HP	Phách	Điểm thi	Số tờ	Ký nộp	Ghi chú
1	000370	1201020239	Chu Khánh	Linh	28/12/2006	KD12G	08	589	9,0	1	Chân	Chân
2	000371	1201020249	Nguyễn Hoàng	Linh	13/07/2006	KD12G	08	588	8,5	1	HP,ĐK	le'
3	000372	1201020265	Ngô Thị Phương	Loan	06/06/2006	KD12G	08	587	6,5	1	Loan	Chân
4	000373	1201020286	Đỗ Thị Thu	Mai	22/12/2005	KD12G	08					HP,ĐK
5	000374	1201020303	Đinh Ngọc	Nam	10/11/2006	KD12G	08	586	4,5	1	Nam	Chân
6	000375	1201020310	Lê Bảo	Ngân	05/06/2006	KD12G	08	585	4,8	1	Ngân	le'
7	000376	1201020315	Mã Đình	Nghiêm	11/04/2006	KD12G	08	584	4,5	1	Nghiêm	Chân
8	000377	1201020332	Hoàng Thị Trang	Nhi	20/01/2006	KD12G	08	583	9,3	1	Nhi	le'
9	000378	1201020342	Lê Quỳnh	Như	12/02/2006	KD12G	08	582	10	1	Như	Chân
10	000379	1201020349	Nguyễn Thị Kim	Oanh	28/12/2006	KD12G	08	581	9,5	1	Oanh	le'
11	000380	1201020351	Trần Đức	Phát	02/08/2006	KD12G	08	580	7,5	1	Đức	Chân
12	000381	1201020357	Đỗ Thu	Phương	05/12/2006	KD12G	08	579	9,5	1	Phước	le'
13	000382	1201020364	Đặng Thị	Phượng	16/07/2006	KD12G	08	578	9,8	1	Phượng	Chân
14	000383	1201020372	Nguyễn Thị Hương	Quỳnh	04/12/2006	KD12G	08					ĐK
15	000384	1201020383	Chu Thạch	Thảo	31/01/2006	KD12G	08	577	8,5	1	Thảo	Chân
16	000385	1201020391	Nguyễn Phương	Thảo	19/04/2006	KD12G	08					HP,ĐK
17	000386	1201020396	Vũ Thanh	Thảo	20/09/2006	KD12G	08	576	5,0	1	Thảo	Chân
18	000387	1201020406	Lê Hoàng Minh	Thư	15/12/2006	KD12G	08	575	9,0	1	Thư	le'
19	000388	1201020418	Vũ Thị Thu	Thủy	28/09/2006	KD12G	08	574	10	1	Thủy	Chân
20	000389	1201020426	Nguyễn Đình Huệ	Trâm	17/08/2006	KD12G	08	573	9,5	1	Trâm	le'
21	000390	1201020429	Đỗ Thị	Trang	04/12/2006	KD12G	08	572	9,5	02	Trang	Chân
22	000391	1201020434	Nguyễn Huyền	Trang	15/10/2006	KD12G	08	571	7,3	1	Trang	le'
23	000392	1201020437	Nguyễn Quỳnh	Trang	03/07/2006	KD12G	08					HP,ĐK
24	000393	1201021638	Đặng Kiên	Trung	23/09/2006	KD12G	08	570	9,0	1	Trung	le'
25	000394	1201020460	Bùi Văn	Tuấn	01/01/2000	KD12G	08	569	6,0	1	Tuấn	Chân
26	000395	1201020469	Nguyễn Hải	Vân	19/03/2006	KD12G	08	568	9,0	1	Vân	le'
27	000396	1201020478	Đào Minh	Vũ	07/10/2006	KD12G	08	567	6,0	01	Đào	Chân
28	000397	1001010818	Trịnh Phúc	Long	17/04/2004	TC10A	08					ĐK
29	000398	1201011155	Giang Đức	Anh	25/09/2006	NH12A	09	566	Không	01	Đức	Chân
30	000399	1201011156	Hoàng Diệp	Anh	09/01/2006	NH12A	09	565	7,5	01	Diệp	le'
31	000400	1201011158	Hoàng Mai	Anh	22/05/2006	NH12A	09	564	Một	01	H. Anh	Chân
32	000401	1201011652	Lê Thị Quỳnh	Anh	25/08/2006	NH12A	09	563	6,0	01	B. Anh	le'
33	000402	1201011640	Nguyễn Duy	Anh	12/11/2006	NH12A	09					HP,ĐK
34	000403	1201011172	Nguyễn Phương	Anh	01/08/2006	NH12A	09	562	7,8	01	Anh	le'
35	000404	1201010731	Phạm Thị Phương	Anh	31/12/2006	NH12A	09	561	2,0	01	Phạm	Chân

Tổng số sinh viên dự thi: 29.....

Tổng số tờ giấy thi: 30.....

Tổng số biên bản: 0.....

Ngày 12 tháng 6 năm 2026

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Vũ Thị Thắng

Học Thị Thảo



HỌC VIỆN TÀI CHÍNH
PHÂN HIỆU HƯNG YÊN

Phòng thi: 13
Giảng đường: A13_CS2

DANH SÁCH SINH VIÊN ĐHCQ K12 THI HẾT HỌC PHẦN HK2 2025-2026

Học phần: Mô hình toán kinh tế

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	tên	Ngày sinh	Lớp	Lớp HP	Phách	Điểm thi	Số tờ	Ký nộp	Ghi chú
1	000405	1201011186	Võ Phan	Anh	01/03/2006	NH12A	09	215	2,0	01	Đạt	Đề lẻ
2	000406	1201011188	Hà Thị Nguyệt	Ánh	13/12/2006	NH12A	09	214	1,5	01	Đạt	Đề lẻ
3	000407	1201011199	Đỗ Trung	Chiến	26/06/2005	NH12A	09	213	6,0	02	Đạt	Đề lẻ
4	000408	1201011202	Đinh Hoàng	Đạt	16/08/2006	NH12A	09	212	4,0	01	Đạt	Đề lẻ
5	000409	1201011206	Trần Quốc	Đạt	09/07/2006	NH12A	09	211	4,0	01	Đạt	Đề lẻ
6	000410	1201011211	Lưu Mạnh	Dũng	10/10/2006	NH12A	09	210	4,0	02	Đạt	Đề lẻ
7	000411	1201011221	Phạm Thị Hồng	Duyên	22/08/2006	NH12A	09	209	6,5	01	Đạt	Đề lẻ
8	000412	1201011232	Bùi Hoàng	Hải	07/08/2006	NH12A	09	208	4,0	01	Đạt	Đề lẻ
9	000413	1201011240	Nguyễn Thị Thu	Hằng	09/10/2006	NH12A	09	207	3,5	01	Đạt	Đề lẻ
10	000414	1201011252	Nguyễn Vi	Hiệp	26/05/2006	NH12A	09	206	1,5	01	Đạt	Đề lẻ
11	000415	1201011795	Đinh Việt	Hùng	26/02/2005	NH12A	09	205	4,0	02	Đạt	Đề lẻ
12	000416	1201011276	Lê Quang	Huy	26/06/2005	NH12A	09	204	4,5	01	Đạt	Đề lẻ
13	000417	1201011279	Nông Hoàng	Huy	20/05/2004	NH12A	09	203	4,0	01	Đạt	Đề lẻ
14	000418	1201011281	Vũ Đình	Huyền	07/08/2006	NH12A	09					HP,ĐK
15	000419	1201011809	Phạm Duy	Khánh	22/03/2006	NH12A	09	202	5,5	01	Đạt	Đề lẻ
16	000420	1201011292	Nguyễn Thị	Lan	25/05/2006	NH12A	09	201	4,0	01	Đạt	Đề lẻ
17	000421	1201011294	Đinh Thị Diệu	Linh	02/01/2006	NH12A	09	200	Kháng	02	Đạt	Đề lẻ
18	000422	1201011296	Hoàng Diệu	Linh	09/06/2006	NH12A	09	199	2,0	01	Đạt	Đề lẻ
19	000423	1201011298	Hoàng Thùy	Linh	15/10/2005	NH12A	09	198	3,5	01	Đạt	Đề lẻ
20	000424	1201011318	Vũ Diệu	Linh	30/08/2006	NH12A	09	197	4,0	01	Đạt	Đề lẻ
21	000425	1201011336	Luyện Quang	Minh	01/10/2006	NH12A	09	196	8,0	01	Đạt	Đề lẻ
22	000426	1201011341	Nguyễn Hà	My	04/09/2006	NH12A	09	195	Kháng	01	Đạt	Đề lẻ
23	000427	1201011797	Lê Huy	Nam	10/02/2006	NH12A	09	194	5,5	01	Đạt	Đề lẻ
24	000428	1201011348	Nguyễn Thị	Ngân	28/04/2006	NH12A	09	193	4,0	01	Đạt	Đề lẻ
25	000429	1201011357	Đồng Minh	Nguyên	06/06/2006	NH12A	09	192	9,5	02	Đạt	Đề lẻ
26	000430	1201011620	Vũ Phương	Oanh	05/11/2006	NH12A	09	191	4,5	01	Đạt	Đề lẻ
27	000431	1201011375	Nguyễn Tuấn	Phúc	27/04/2006	NH12A	09					HP,ĐK
28	000432	1201011378	Đàm Quỳnh	Phương	15/04/2006	NH12A	09	190	2,0	02	Đạt	Đề lẻ
29	000433	1201011383	Nguyễn Thị Thanh	Phương	29/09/2006	NH12A	09	189	9,5	01	Đạt	Đề lẻ
30	000434	1201011393	Phí Như	Quỳnh	09/09/2006	NH12A	09	188	4,5	01	Đạt	Đề lẻ
31	000435	1201011395	Nguyễn Hùng	Son	16/08/2006	NH12A	09	187	3,5	01	Đạt	Đề lẻ
32	000436	1201011415	Bùi Duy	Thông	05/02/2006	NH12A	09	186	4,5	01	Đạt	Đề lẻ
33	000437	1201011417	Lương Thị Khánh	Thư	30/03/2006	NH12A	09	185	3,5	01	Đạt	Đề lẻ
34	000438	1201011425	Đặng Thu	Trà	04/11/2006	NH12A	09	184	4,5	01	Đạt	Đề lẻ
35	000439	1201011631	Phan Anh	Tú	22/10/2006	NH12A	09	183	5,3	01	Đạt	Đề lẻ

Tổng số sinh viên dự thi: 35

Tổng số tờ giấy thi: 35

Tổng số biên bản: 01

Ngày 12 tháng 06 năm 2026

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Đỗ Thị Huệ

Trần Thị Ngọc Phương



DANH SÁCH SINH VIÊN ĐHCQ K12 THI HẾT HỌC PHẦN HK2 2025-2026

Học phần: Mô hình toán kinh tế

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	tên	Ngày sinh	Lớp	Lớp HP	Phách	Điểm thi	Số tờ	Ký nộp	Ghi chú
1	000440	1201011444	Nguyễn Đắc	Tuấn	01/05/2006	NH12A	09	734	Không	1	Tuấn	chấn
2	000441	1201011632	Nguyễn Chí	Uy	25/07/2006	NH12A	09	735	Không	1	Uy	lẻ
3	000442	1201011465	Nguyễn Thị Hải	Yên	23/03/2006	NH12A	09	736	1,5	1	Yên	chấn
4	000443	1101020097	Nguyễn Thị	Hiền	08/11/2005	KD11A	10					ĐK
5	000444	1201011676	Hồ Thị Quỳnh	Anh	01/09/2005	NH12B	10	737	6,5	1	Quỳnh	chấn
6	000445	1201011163	Lê Thị Tú	Anh	15/11/2006	NH12B	10	738	3,5	1	Anh	HP, lẻ
7	000446	1201011169	Nguyễn Lan	Anh	28/08/2006	NH12B	10	739	2,0	1	Anh	chấn
8	000447	1201011181	Phùng Thị Phương	Anh	26/09/2006	NH12B	10	740	7,0	1	Anh	lẻ
9	000448	1201011191	Lê Gia	Bảo	22/10/2006	NH12B	10					HP, ĐK
10	000449	1201011201	Đoàn Thị	Chinh	20/06/2006	NH12B	10	741	10	1	Chinh	lẻ
11	000450	1201011583	Nguyễn Tuấn	Đạt	03/04/2006	NH12B	10	742	Không	1	Đạt	chấn
12	000451	1201011207	Trần Tuấn	Đức	27/09/2006	NH12B	10	743	4,0	1	Đức	lẻ
13	000452	1201011223	Nguyễn Trường	Giang	25/09/2006	NH12B	10					HP, ĐK
14	000453	1201011237	Nguyễn Ngọc	Hân	28/10/2006	NH12B	10	744	7,5	1	Hân	lẻ
15	000454	1201011248	Vũ Thị Minh	Hiền	14/03/2006	NH12B	10	745	4,0	1	Hiền	chấn
16	000455	1201011253	Hoàng Minh	Hiếu	24/09/2006	NH12B	10	746	5,0	1	Hiếu	lẻ
17	000456	1201011258	Nông Trung	Hiếu	26/07/2006	NH12B	10	747	Ngok	1	Hiếu	chấn
18	000457	1201011265	Lê Huy	Hoàng	06/01/2006	NH12B	10	748	3,5	1	Huy	lẻ
19	000458	1201011270	Vũ Thị Thu	Huệ	25/05/2006	NH12B	10	749	3,5	1	Thu	chấn
20	000459	1201011273	Nguyễn Đức	Hưng	18/01/2006	NH12B	10	750	7,0	1	Hưng	lẻ
21	000460	1201011778	Ngô Thị Thúy	Hường	02/11/2006	NH12B	10	751	4,5	1	Hường	chấn
22	000461	1201011278	Nguyễn Quang	Huy	05/01/2006	NH12B	10	752	3,5	1	Quang	lẻ
23	000462	1201011280	Nông Thái	Huy	20/10/2006	NH12B	10	753	3,5	1	Thái	chấn
24	000463	1201011590	Lưu Thị	Huyền	27/07/2005	NH12B	10	754	5,0	1	Huyền	lẻ
25	000464	1201011289	Phạm Đăng	Khoa	09/11/2006	NH12B	10	755	6,0	1	Khoa	chấn
26	000465	1201011293	Vũ Thành	Liên	03/01/2006	NH12B	10	756	7,5	1	Liên	lẻ
27	000466	1201011593	Hồ Thị Diệu	Linh	04/01/2006	NH12B	10	757	9,5	1	Linh	chấn
28	000467	1201011297	Hoàng Khánh	Linh	08/01/2006	NH12B	10	758	9,5	1	Linh	lẻ
29	000468	1201011315	Trần Thị Khánh	Linh	20/12/2006	NH12B	10	759	7,5	1	Kh	chấn
30	000469	1201011324	Đào Khánh	Ly	30/10/2006	NH12B	10	760	5,3	1	Ly	lẻ
31	000470	1201011340	Lê Thị Trà	My	15/12/2006	NH12B	10	761	4,5	1	My	chấn
32	000471	1201011343	Nguyễn Trà	My	10/01/2006	NH12B	10	762	6,5	1	My	lẻ
33	000472	1201011345	Trần Hoàng	Nam	19/10/2006	NH12B	10	763	4,5	1	Hoàng	chấn
34	000473	1001010765	Nguyễn Hoàng	Dức	20/10/2004	TC10A	10					HP, ĐK
35	000474	1101010765	Lương Ngọc	Anh	28/05/2005	TC11A	10	764	5,0	1	Anh	chấn

Tổng số sinh viên dự thi: 31.....

Tổng số tờ giấy thi: 31.....

Tổng số biên bản:.....

Ngày thi: 12 tháng 6 năm 2026

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Phạm Văn Toàn

Nguyễn T. Thủy Linh



250 - 281

DANH SÁCH SINH VIÊN ĐHCQ K12 THI HẾT HỌC PHẦN HK2 2025-2026

Học phần: Mô hình toán kinh tế

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	tên	Ngày sinh	Lớp	Lớp HP	Phách	Điểm thi	Số tờ	Ký nộp	Ghi chú
1	000475	1201011353	Đỗ Thị Bích	Ngọc	26/07/2006	NH12B	10	250	10	1	Ngọc	le
2	000476	1201011374	Đặng Thanh	Phúc	06/01/2006	NH12B	10	251	4,0	1	Phúc	chưa
3	000477	1201011376	Nguyễn Việt	Phúc	15/02/2005	NH12B	10	252	3,5	1	Phúc	le
4	000478	1201011379	Đào Minh	Phương	13/02/2006	NH12B	10	253	4,0	1	Phương	chưa
5	000479	1201011386	Nguyễn Đức	Quân	12/06/2006	NH12B	10					HP,ĐK
6	000480	1201011394	Giáp Hồng	Son	24/07/2006	NH12B	10	254	8,0	2	Son	le
7	000481	1201011396	Nguyễn Thế	Son	30/12/2005	NH12B	10					ĐK
8	000482	1201011403	Đào Tất	Thắng	20/01/2006	NH12B	10	255	không	1	Thắng	chưa
9	000483	1201011418	Nguyễn Anh	Thư	27/02/2006	NH12B	10	256	7,5	1	Thư	le
10	000484	1201011434	Nguyễn Thùy	Trang	03/12/2006	NH12B	10	257	4,5	1	Thùy	chưa
11	000485	1201011443	Hoàng Anh	Tuấn	04/05/2006	NH12B	10	258	3,5	1	Tuấn	le
12	000486	1201011447	Trần Bùi	Tuấn	06/06/2006	NH12B	10	259	4,5	1	Tuấn	chưa
13	000487	1201011466	Trần Hải	Yến	08/03/2006	NH12B	10	260	không	1	Yến	le
14	000488	1101060347	Nguyễn Hữu	Hoàng	21/06/2005	KA11A	11					ĐK
15	000489	1001020095	Nguyễn Thùy	Dương	14/11/2004	KD10E	11	261	3,0	1	Dương	le
16	000490	1101020056	Đoàn Khắc	Đạt	27/06/2005	KD11G	11	262	2,0	1	Đạt	chưa
17	000491	1201070623	Đặng Thái	Anh	12/09/2006	KL12A	11	263	6,0	1	Anh	le
18	000492	1201070625	Lưu Quỳnh	Anh	05/06/2006	KL12A	11	264	không	1	Anh	chưa
19	000493	1201070637	Hoàng Thị Thu	Hiền	21/01/2006	KL12A	11	265	6,3	1	Hiền	le
20	000494	1201070638	Nguyễn Thu	Hiền	21/05/2006	KL12A	11	266	4,5	1	Hiền	chưa
21	000495	1201070639	Lê Trung	Hiếu	01/06/2006	KL12A	11	267	không	1	Hiếu	le
22	000496	1201070641	Nguyễn Thị	Huế	27/07/2006	KL12A	11	268	7,5	1	Huế	chưa
23	000497	1201070642	Đinh Quang	Huy	06/03/2006	KL12A	11	269	2,0	1	Huy	le
24	000498	1201070656	Hoàng Khánh	Ngọc	27/08/2006	KL12A	11	270	không	1	Ngọc	chưa
25	000499	1201070628	Vũ Tú	Anh	04/01/2006	QL12A	11	271	8,8	1	Anh	le
26	000500	1201070631	Hoàng Thị Linh	Chiên	06/03/2006	QL12A	11	272	6,5	1	Chiên	chưa
27	000501	1201070632	Nguyễn Quốc	Cường	05/05/2006	QL12A	11	273	4,3	1	Cường	le
28	000502	1201070636	Phạm Thu	Hà	13/06/2006	QL12A	11	274	6,0	1	Thu	chưa
29	000503	1201070644	Trần Thị Phương	Lan	19/02/2006	QL12A	11	275	6,3	1	Lan	le
30	000504	1201070647	Lê Thị Mỹ	Linh	10/10/2006	QL12A	11	276	4,5	1	Linh	chưa
31	000505	1201070649	Phạm Công	Linh	17/10/2006	QL12A	11	277	4,8	1	Linh	le
32	000506	1001030592	Nguyễn Trung	Kiên	31/08/2004	QM10B	11	278	2,5	1	Kiên	chưa
33	000507	1101031360	Phạm Tuấn	Huy	03/07/2002	QT11B	11	279	3,0	1	Huy	le
34	000508	1001031250	Nguyễn Thị	Lan	20/07/2004	QT11B	11	280	9,8	1	Lan	chưa
35	000509	1101030598	Nguyễn Khánh	Linh	03/08/2005	QT11B	11	281	2,5	1	Linh	le

Tổng số sinh viên dự thi: 32

Tổng số tờ giấy thi: 33

Tổng số biên bản: 0

Ngày 12 tháng 06 năm 2026

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Nguyễn Thị Thu Linh
Nguyễn Thị Thu Linh



DANH SÁCH SINH VIÊN ĐHCQ K12 THI HẾT HỌC PHẦN HK2 2025-2026

Học phần: Mô hình toán kinh tế

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm tên	Ngày sinh	Lớp	Lớp HP	Phách	Điểm thi	Số tờ	Ký nộp	Ghi chú
1	000510	1101020313	Đinh Lê Anh Tuấn	17/09/2005	KD11G	11	362	4,0	1	Tuấn	chấm
2	000511	1201070681	Trần Thị Quỳnh Trang	11/11/2006	KL12A	11	363	8,0	1	Trang	le
3	000512	1201070690	Đào Hải Yến	24/09/2006	KL12A	11	364	9,5	1	Yến	chấm
4	000513	1201070658	Nguyễn Hồng Nhung	09/07/2006	QL12A	11	365	6,3	1	Nhung	le
5	000514	1201070663	Nguyễn Thị Phương	31/05/2006	QL12A	11	366	5,5	1	Phương	chấm
6	000515	1201070668	Tạ Khắc Sơn	05/12/2006	QL12A	11	367	5,0	1	Sơn	le
7	000516	1201070671	Hà Phương Thanh	13/07/2006	QL12A	11	368	3,5	1	Thanh	chấm
8	000517	1201070672	Nguyễn Thu Thảo	11/10/2006	QL12A	11	369	8,0	1	Thảo	le
9	000518	1201070677	Ngô Thị Hương Trà	28/12/2006	QL12A	11	370	muối	1	Trà	chấm
10	000519	1201070682	Đinh Vũ Việt Trinh	01/10/2006	QL12A	11	371	9,0	1	Trinh	le
11	000520	1201070687	Hoàng Quốc Việt	03/02/2005	QL12A	11	372	4,5	1	Việt	chấm
12	000521	1201070688	Nguyễn Thành Vinh	02/02/2006	QL12A	11	373	3,5	1	Vinh	le
13	000522	1201070689	Hồ Thảo Vy	28/10/2006	QL12A	11	374	muối	1	Vy	chấm
14	000523	1201030695	Đỗ Thành An	12/12/2006	QM12A	12	375	4,5	1	An	le
15	000524	1201031779	Nguyễn Thị Vân Anh	12/08/2006	QM12A	12	376	5,0	1	Anh	chấm
16	000525	1201030729	Phạm Phương Anh	09/01/2006	QM12A	12					HP
17	000526	1201030740	Vũ Đặng Châu Anh	30/04/2005	QM12A	12	377	3,0	1	Anh	chấm
18	000527	1201030753	Lý Mạnh Cao	22/10/2006	QM12A	12	378	4,3	1	Cao	le
19	000528	1201030756	Nguyễn Minh Châu	07/02/2006	QM12A	12	379	3,0	1	Châu	chấm
20	000529	1201030766	Đoàn Đại Cương	08/09/2006	QM12A	12	380	3,3	1	Cương	le
21	000530	1201030781	Ngô Minh Đức	30/07/2006	QM12A	12	381	2,0	1	Đức	chấm
22	000531	1201030787	Phạm Văn Đức	26/09/2006	QM12A	12	382	3,0	1	Đức	le
23	000532	1201030796	Đặng Thùy Dương	02/10/2006	QM12A	12	383	4,0	1	Dương	chấm
24	000533	1201030807	Trương Thị Mỹ Duyên	10/09/2006	QM12A	12	384	4,5	1	Duyên	le
25	000534	1201031643	Nguyễn Trường Giang	24/03/2004	QM12A	12					HP
26	000535	1201030813	Phí Thu Hà	23/10/2006	QM12A	12	385	4,5	1	Hà	le
27	000536	1201030825	Nguyễn Hữu Hào	23/11/2006	QM12A	12	386	4,5	1	Hào	chấm
28	000537	1201030835	Phạm Trần Hiếu	25/12/2006	QM12A	12	387	3,3	1	Hiếu	le

Tổng số sinh viên dự thi:.....26.

Tổng số tờ giấy thi:.....26....

Tổng số biên bản:.....0.....

Ngày 12. tháng 6. năm 2026

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Thư

le

Trinh Thi Hong Thai

le thi Thanh



DANH SÁCH SINH VIÊN ĐHCQ K12 THI HẾT HỌC PHẦN HK2 2025-2026

Học phần: Mô hình toán kinh tế

Đ

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	tên	Ngày sinh	Lớp	Lớp HP	Phách	Điểm thi	Số tờ	Ký nộp	Ghi chú
1	000538	1201030845	Phạm Quốc	Hoan	05/06/2006	QM12A	12					
2	000539	1201030859	Đinh Văn	Hung	14/04/2006	QM12A	12	688	4,3-	1	Đ	lẻ
3	000540	1201030865	Vũ Thị	Hương	17/09/2006	QM12A	12	689	3,5-	1	Hương	chẵn
4	000541	1201030901	Cao Thị Hồng	Liên	28/07/2006	QM12A	12					
5	000542	1201030906	Đinh Phương	Linh	31/08/2006	QM12A	12	690	9,5-	1	Linh	chẵn
6	000543	1201030915	Nguyễn Diệu	Linh	18/08/2006	QM12A	12	691	7,5-	1	Linh	lẻ
7	000544	1201030922	Nguyễn Thị	Linh	19/08/2006	QM12A	12	692	4,0-	1	Linh	chẵn
8	000545	1201030930	Phạm Thị Khánh	Linh	03/12/2006	QM12A	12					HP, DK
9	000546	1201031742	Chu Huy	Long	02/06/2006	QM12A	12	693	2,0-	1	Long	chẵn
10	000547	1201031798	Phạm Hoàng	Long	24/07/2006	QM12A	12	694	3,0-	1	Long	lẻ
11	000548	1201030949	Đào Thị Cẩm	Ly	02/10/2006	QM12A	12	695	8,5-	1	Ly	chẵn
12	000549	1201030953	Nguyễn Hoàng Tuyết	Mai	05/08/2006	QM12A	12	696	4,8	1	Mai	lẻ
13	000550	1201031649	Đinh Quang	Minh	02/10/1999	QM12A	12	697	Mười	1	Minh	chẵn
14	000551	1201030968	Phạm Công	Minh	23/07/2006	QM12A	12	698	4,5-	01	Minh	lẻ
15	000552	1201030975	Nguyễn Thị Trà	My	08/10/2006	QM12A	12	699	4,0-	1		chẵn
16	000553	1201030989	Phạm Ngọc	Ngân	24/05/2006	QM12A	12	700	4,0-	1	Ngân	lẻ
17	000554	1201031661	Đặng Khánh	Ngọc	24/02/2006	QM12A	12	701	2,0-	1	Ngọc	chẵn
18	000555	1201031001	Đinh Thị Minh	Nguyệt	22/03/2006	QM12A	12	702	5,3-	1	Nguyệt	lẻ
19	000556	1201031015	Trần Kim	Oanh	19/09/2006	QM12A	12	703	4,0	01	Oanh	chẵn
20	000557	1201031019	Dương Thị Hà	Phương	12/09/2006	QM12A	12	704	3,5-	01	Phường	lẻ
21	000558	1201031026	Phạm Hà	Phương	11/07/2006	QM12A	12	705	4,0-	01	Phường	chẵn
22	000559	1201031039	Vũ Thị Lệ	Quyên	02/08/2006	QM12A	12	706	6,5-	01	Quyên	lẻ
23	000560	1201031605	Trần Hoài	Son	15/09/2006	QM12A	12	707	5,5-	01	Son	chẵn
24	000561	1201031053	Nguyễn Văn	Thái	05/06/2006	QM12A	12	708	không	01	Thái	lẻ
25	000562	1201031059	Đoàn Thị Phương	Thảo	28/09/2006	QM12A	12					HP
26	000563	1201031064	Nguyễn Thị Phương	Thảo	03/11/2006	QM12A	12	709	5,5-	01	Thảo	lẻ
27	000564	1201031075	Trần Thị	Thu	12/08/2006	QM12A	12	710	4,5-	01	Thu	chẵn
28	000565	1201031078	Đỗ Thị	Thùy	29/10/2006	QM12A	12	711	8,0-	02	Thùy	lẻ
29	000566	1201031083	Đặng Thị Thanh	Thùy	03/09/2006	QM12A	12	712	5,0-	1	Thùy	chẵn
30	000567	1201031087	Lê Thị	Trà	15/05/2006	QM12A	12					HP
31	000568	1201031093	Ngô Thị Kiều	Trang	21/03/2006	QM12A	12					HP, DK
32	000569	1201031112	Đặng Thị	Trinh	29/01/2006	QM12A	12	713	2,0-	01	Trinh	
33	000570	1201031576	Nguyễn Như Cẩm	Tú	28/09/2006	QM12A	12	714	4,5-	02	Tú	chẵn
34	000571	1201031125	Nguyễn Xuân	Tùng	17/11/2006	QM12A	12	716	3,0-	01	Xuân	lẻ
35	000572	1201031137	Nguyễn Văn	Vĩ	12/07/2006	QM12A	12	715	3,5-	01	Vĩ	chẵn

Tổng số sinh viên dự thi: 29....

Tổng số tờ giấy thi: 29.2 = 31

Tổng số biên bản: 0.....

Ngày 12. tháng 08 năm 2026

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Đặng Thị Hương Thanh

Đặng Thị Liên



DANH SÁCH SINH VIÊN ĐHCQ K12 THI HẾT HỌC PHẦN HK2 2025-2026

Học phần: Mô hình toán kinh tế

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	tên	Ngày sinh	Lớp	Lớp HP	Phách	Điểm thi	Số tờ	Ký nộp	Ghi chú
1	000573	1201030709	Lê Thị Ngọc	Anh	20/09/2006	QM12B	13	448	7,3	1	Anh	lẻ
2	000574	1201030724	Nguyễn Quỳnh	Anh	10/04/2006	QM12B	13	449	6,5	1	Anh	chẵn
3	000575	1201031536	Nguyễn Trâm	Anh	09/02/2006	QM12B	13	450	5,0	1	Anh	lẻ
4	000576	1201031668	Trần Đức	Anh	27/09/2006	QM12B	13	451	Không BB	1	Anh	chẵn
5	000577	1201030739	Trương Thị Mai	Anh	08/12/2006	QM12B	13	452	1,5	1	Anh	lẻ
6	000578	1201030741	Vũ Lan	Anh	17/02/2006	QM12B	13	453	7,5	1	Anh	chẵn
7	000579	1201030754	Phan Thùy	Châm	08/05/2006	QM12B	13	454	3,5	1	Phan	lẻ
8	000580	1201030761	Đinh Thị	Chiều	09/09/2006	QM12B	13	455	Mười	1	Đinh	chẵn
9	000581	1201030795	Chu Thùy	Dương	09/08/2005	QM12B	13	456	Mười	1	Dương	lẻ
10	000582	1201030799	Lê Đăng	Dương	04/08/2006	QM12B	13					HP,ĐK
11	000583	1201031547	Nguyễn Thị Hương	Giang	30/06/2006	QM12B	13	457	9,5	1	Giang	lẻ
12	000584	1201030811	Hoàng Thị Ngọc	Hà	21/11/2006	QM12B	13	458	Mười	1	Hà	Chẵn
13	000585	1101030537	Lưu Thu	Hà	23/01/2005	QM12B	13	459	Mười	1	Hà	lẻ
14	000586	1201030824	Lê Thanh	Hào	17/12/2006	QM12B	13	460	5,5	1	Hào	Chẵn
15	000587	1201030826	Nguyễn Thanh	Hiên	07/08/2006	QM12B	13	461	9,5	1	Nguyễn	lẻ
16	000588	1201031674	Chu Mạnh	Hùng	15/01/2006	QM12B	13	462	4,5	1	Chu	chẵn
17	000589	1201031554	Lưu Thị	Huyền	20/06/2005	QM12B	13					Bỏ thi
18	000590	1201030895	Nguyễn Văn	Kiên	27/07/2006	QM12B	13	463	5,5	1	V.Kiên	Chẵn
19	000591	1201030914	Ngô Thị	Linh	04/01/2006	QM12B	13	464	5,8	1	Linh	lẻ
20	000592	1201030916	Nguyễn Hà Khánh	Linh	05/09/2006	QM12B	13	465	7,5	1	Linh	Chẵn
21	000593	1201030924	Nguyễn Thị Khánh	Linh	13/11/2006	QM12B	13	466	2,0	1	Linh	lẻ
22	000594	1201030927	Nguyễn Thùy	Linh	08/12/2006	QM12B	13	467	không	1	Linh	Chẵn
23	000595	1201030929	Phạm Thị	Linh	18/10/2006	QM12B	13	468	4,0	1	Linh	lẻ
24	000596	1201031647	Phan Ngọc	Linh	19/04/2006	QM12B	13	469	6,0	1	Linh	chẵn
25	000597	1201031679	Lâm Khánh Bảo	Long	12/04/2006	QM12B	13					HP,ĐK
26	000598	1201031642	Lê Tuyết	Mai	10/11/2006	QM12B	13	470	7,0	1	Mai	Chẵn
27	000599	1201030964	Nguyễn Hoàng	Minh	13/03/2006	QM12B	13	471	2,0	1	Minh	lẻ
28	000600	1201030993	Phạm Thị	Ngoan	19/10/2006	QM12B	13	472	2,0	1	Ngoan	chẵn

Tổng số sinh viên dự thi: 25

Tổng số tờ giấy thi: 25

Tổng số biên bản: 01

Ngày 12 tháng 6 năm 2026

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Hoàng Thị Nhung

Lê Hồng Kỳ



DANH SÁCH SINH VIÊN ĐHCQ K12 THI HẾT HỌC PHẦN HK2 2025-2026

Học phần: Mô hình toán kinh tế

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	tên	Ngày sinh	Lớp	Lớp HP	Phách	Điểm thi	Số tờ	Ký nộp	Ghi chú
1	000601	1201030999	Lương Minh	Ngọc	22/07/2006	QM12B	13	282	3,5	01	Ngọc	le
2	000602	1201031766	Nguyễn Thị	Oanh	11/06/2006	QM12B	13	283	4,0	01	Oanh	chấn
3	000603	1201031017	Trần Hồng	Phúc	31/10/2006	QM12B	13					ĐK
4	000604	1201031020	Lê Thị Thu	Phương	29/10/2006	QM12B	13	284	4,5	01	Phường	chấn
5	000605	1201031027	Đinh Thị	Phượng	02/09/2006	QM12B	13					HP,ĐK
6	000606	1201031036	Nguyễn Đức	Quang	07/08/2006	QM12B	13	285	4,0	01	Quang	chấn
7	000607	1201030667	Đỗ Ngọc	Sáng	22/11/2006	QM12B	13	286	5,0	01	Sáng	le
8	000608	1201031046	Phạm Thái	Son	21/07/2006	QM12B	13	287	2,5	01	Son	chấn
9	000609	1201031569	Lê Thanh	Tâm	06/06/2006	QM12B	13					Go' thi
10	000610	1201031077	Ngô Thị Minh	Thuy	11/09/2006	QM12B	13	288	4,5	01	Thuy	chấn
11	000611	1201031079	Nguyễn Thị Thanh	Thủy	04/07/2006	QM12B	13	289	5,0	01	Thủy	le
12	000612	1201031082	Nguyễn Thu	Thúy	16/12/2006	QM12B	13	290	3,5	01	Thuy	chấn
13	000613	1201031085	Nguyễn Văn	Tiến	14/06/2006	QM12B	13	291	mất	01	Tiến	HP,ĐK
14	000614	1201031091	Hà Kiều	Trang	06/06/2003	QM12B	13	292	mất	01	Trang	chấn
15	000615	1201031095	Nguyễn Quỳnh	Trang	08/12/2006	QM12B	13	293	không	01	Trang	le
16	000616	1201031575	Nguyễn Việt	Trinh	19/09/2006	QM12B	13	294	9,0	01	Trinh	chấn
17	000617	1201031116	Nguyễn Thanh	Tú	25/09/2006	QM12B	13	295	8,5	01	Tú	le
18	000618	1201031753	Bùi Ngọc	Tuyển	06/08/2006	QM12B	13	296	mất	01	Tuyển	chấn
19	000619	1201031781	Doãn Thị Quỳnh	Anh	20/10/2006	QT12A	14	297	7,5	01	Anh	le
20	000620	1201030703	Hồ Vũ Văn	Anh	31/10/2006	QT12A	14	298	2,5	01	Anh	chấn
21	000621	1201030710	Lưu Ngọc	Anh	11/11/2006	QT12A	14	299	5,5	01	Anh	le
22	000622	1201030715	Nguyễn Đức Duy	Anh	22/05/2006	QT12A	14					HP,ĐK
23	000623	1201030720	Nguyễn Phú	Anh	18/10/2006	QT12A	14	300	3,5	01	Anh	le
24	000624	1201030730	Phạm Thị Mai	Anh	17/02/2006	QT12A	14	301	không	01	Mh	chấn
25	000625	1201030748	Doãn Quang	Bách	21/03/2006	QT12A	14	302	6,5	01	Bách	le
26	000626	1201041667	Nguyễn Lâm	Bình	30/10/2006	QT12A	14	303	2,0	01	Bình	chấn
27	000627	1201030760	Vũ Thị Kim	Chi	24/08/2006	QT12A	14	304	4,5	01	Chi	le
28	000628	1201030767	Triệu Biên	Cương	27/05/2006	QT12A	14	305	4,0	01	Cương	chấn

Tổng số sinh viên dự thi: 24

Tổng số tờ giấy thi: 24

Tổng số biên bản: 2

Ngày 12 tháng 6 năm 2026

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Nguyễn Thị Huyền

Kiểm Thị Hồng Hạnh



DANH SÁCH SINH VIÊN ĐHCQ K12 THI HẾT HỌC PHẦN HK2 2025-2026

Học phần: Mô hình toán kinh tế

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	tên	Ngày sinh	Lớp	Lớp HP	Phách	Điểm thi	Số tờ	Ký nộp	Ghi chú
1	000629	1201030774	Nguyễn Thành	Đạt	08/11/2006	QT12A	14					HP,ĐK
2	000630	1201030778	Đỗ Huyền	Diệp	09/04/2006	QT12A	14	623	Không	01	Diệp	Chấn
3	000631	1201030785	Nguyễn Tiến	Đức	18/05/2006	QT12A	14	624	9,5	01	Đức	lẻ
4	000632	1201030798	Lê Đan	Dương	13/04/2006	QT12A	14					ĐK
5	000633	1201030804	Nguyễn Đoàn Phong	Duy	19/04/2006	QT12A	14	625	1,5	01	Duy	lẻ
6	000634	1201030808	Vũ Thị	Duyên	12/02/2006	QT12A	14	626	5,0	01	Duyên	chấn
7	000635	1201031548	Đỗ Ngọc	Hà	08/12/2006	QT12A	14	627	8,5	01	Hà	lẻ
8	000636	1201030817	Phạm Nguyễn Tuấn	Hải	11/01/2003	QT12A	14	628	Mười	01	Hải	chấn
9	000637	1201030822	Vũ Hồng	Hạnh	20/02/2006	QT12A	14	629	5,0	01	Hà	lẻ
10	000638	1201031733	Bùi Đăng Minh	Hiển	08/10/2006	QT12A	14	630	5,0	01		Hiện chấn
11	000639	1201030840	Lê Thanh	Hoa	19/06/2006	QT12A	14	631	5,8	01	Hoa	lẻ
12	000640	1201030843	Hà Thu	Hoài	27/09/2006	QT12A	14	632	2,5	01	Hoài	chấn
13	000641	1201030848	Đỗ Ánh	Hồng	22/07/2006	QT12A	14	633	3,5	01	Hồng	lẻ
14	000642	1201030855	Đồng Mạnh	Hùng	12/09/2006	QT12A	14	634	8,0	01	Hùng	chấn
15	000643	1201031775	Phạm Thị	Hường	01/02/2006	QT12A	14	635	6,5	01	Hường	lẻ
16	000644	1201030879	Đỗ Nam	Khánh	13/03/2006	QT12A	14					HP,ĐK
17	000645	1201030887	Trịnh Hoàng Phú	Khánh	18/05/2006	QT12A	14					ĐK
18	000646	1201030891	Trần Việt	Khoa	25/01/2006	QT12A	14	636	5,0	01	Khoa	Chấn
19	000647	1201030908	Đỗ Quang	Linh	12/10/2006	QT12A	14	637	2,5	01	Linh	lẻ
20	000648	1201030911	Hoàng Thị Thùy	Linh	12/07/2006	QT12A	14	638	9,0	01	Linh	Chấn
21	000649	1201030933	Phan Thùy	Linh	15/08/2006	QT12A	14	639	7,8	01	Linh	lẻ
22	000650	1201031767	Dương Đức	Long	10/09/2006	QT12A	14	640	3,5	01	Long	chấn
23	000651	1201030954	Thắm Phương	Mai	13/05/2006	QT12A	14	641	6,0	01	Mai	lẻ
24	000652	1201031651	Trần Danh	Minh	08/08/2006	QT12A	14	642	5,0	01	Minh	chấn
25	000653	1201030972	Vũ Phạm Đức	Minh	28/12/2006	QT12A	14	643	6,5	01	Đ	lẻ
26	000654	1201031562	Chu Đỗ Khánh	Ngọc	28/02/2006	QT12A	14	644	8,5	01	Su	chấn
27	000655	1201031009	Nguyễn Quỳnh	Như	04/06/2006	QT12A	14	645	3,5	01	Như	HP, lẻ
28	000656	1201080597	Võ Hồng	Phúc	24/09/2006	QT12A	14	646	2,0	01	Phúc	chấn
29	000657	1201031018	Đỗ Thị Mai	Phuong	03/01/2006	QT12A	14	647	Không	01	Phuong	lẻ
30	000658	1201031794	Nguyễn Thị Văn	Phuong	11/06/2005	QT12A	14	648	4,5	01	Phuong	HP, chấn
31	000659	1201031037	Nguyễn Thị Lệ	Quyen	03/11/2005	QT12A	14					HP,ĐK
32	000660	1201031043	Nguyễn Duy	Sang	22/07/2006	QT12A	14	649	4,5	01	Sang	chấn
33	000661	1201031056	Trương Công	Thành	13/01/2001	QT12A	14	650	7,0	01	Thành	lẻ
34	000662	1201031711	Lê Thị	Thảo	12/01/2006	QT12A	14	651	Mười	01	Thảo	chấn
35	000663	1201031070	Hồ Thị	Thoa	05/05/2006	QT12A	14	652	8,0	01	Thoa	lẻ

Tổng số sinh viên dự thi: 30 (ba mươi)

Tổng số tờ giấy thi: 30.....

Tổng số biên bản: 3.....

Ngày 12 tháng 06 năm 2026

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Vũ Mai Phương

Phan Tiến Thô



DANH SÁCH SINH VIÊN ĐHCQ K12 THI HẾT HỌC PHẦN HK2 2025-2026

Học phần: Mô hình toán kinh tế

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	tên	Ngày sinh	Lớp	Lớp HP	Phách	Điểm thi	Số tờ	Ký nộp	Ghi chú
1	000664	1201031684	Nguyễn Thị	Thúy	25/09/2006	QT12A	14	160	Mười	1	Thúy	Chấn
2	000665	1201031098	Nguyễn Thị Hà	Trang	15/05/2006	QT12A	14	161	2,0-	1	Trang	lẻ
3	000666	1201031106	Tạ Nguyễn Quỳnh	Trang	27/11/2006	QT12A	14					HP,ĐK
4	000667	1201031110	Hà Tuấn	Triệu	30/11/2006	QT12A	14	162	5,5-	1	Triệu	lẻ
5	000668	1201031122	Vũ Anh	Tuấn	25/07/2006	QT12A	14					ĐK
6	000669	1201031130	Bùi Phạm Phương	Uyên	14/05/2006	QT12A	14	163	8,5-	1	Uyên	lẻ
7	000670	1201031143	Nguyễn Long	Vũ	12/08/2006	QT12A	14					ĐK
8	000671	1201030706	Lê Đức	Anh	02/03/2006	QT12B	15	164	3,5-	1	Anh	lẻ
9	000672	1201030712	Mai Đức	Anh	01/02/2006	QT12B	15	165	7,0-	1	Đức	Chấn
10	000673	1201031814	Nguyễn Hoài	Anh	11/05/2006	QT12B	15	166	9,0-	1	Anh	lẻ
11	000674	1201030733	Quách Thị Phương	Anh	07/10/2006	QT12B	15	167	3,5-	1	Anh	Chấn
12	000675	1201030749	Phạm Băng	Băng	13/06/2006	QT12B	15	168	8,8-	1	Băng	Lẻ
13	000676	1201030770	Trịnh Đình	Cường	08/12/2005	QT12B	15					HP,ĐK
14	000677	1201030782	Nguyễn Anh	Đức	11/03/2005	QT12B	15	169	3,5-	1	Anh	lẻ
15	000678	1201030790	Hoàng Ngọc	Dung	15/05/2006	QT12B	15	170	2,5-	1	Dung	Chấn
16	000679	1201030800	Nguyễn Khánh	Dương	21/05/2006	QT12B	15	171	7,3-	1	Dương	lẻ
17	000680	1201030805	Nguyễn Đức	Duy	02/08/2001	QT12B	15	172	Một	1	Duy	HP Chấn
18	000681	1201030809	Trần Hương	Giang	30/11/2006	QT12B	15	173	3,0-	1	Giang	lẻ
19	000682	1201030818	Đinh Thị Thanh	Hằng	04/10/2006	QT12B	15	174	9,0-	1	Hằng	Chấn
20	000683	1201030832	Hà Văn	Hiếu	24/04/2006	QT12B	15					ĐK
21	000684	1201030841	Nguyễn Thị	Hoa	11/07/2006	QT12B	15	175	3,0-	1	Hoa	Chấn
22	000685	1201030844	Nguyễn Thị	Hoài	12/07/2006	QT12B	15	176	9,5-	1	Hoài	lẻ
23	000686	1201030851	Cao Đình	Huân	24/08/2006	QT12B	15	177	2,0-	1	Huân	Chấn
24	000687	1201030852	Nguyễn Thị	Huệ	11/07/2006	QT12B	15	178	2,5-	1	Huệ	lẻ
25	000688	1201030856	Ngô Việt	Hùng	01/10/2006	QT12B	15	179	3,5-	1	Hùng	Chấn
26	000689	1201031650	Nguyễn Trung	Hung	18/10/2006	QT12B	15	180	3,0-	1	Hung	Chấn
27	000690	1201030868	Nguyễn Quang	Huy	09/07/2006	QT12B	15	181	Không	1	Huy	Chấn
28	000691	1201030882	Nguyễn Duy	Khánh	03/06/2006	QT12B	15	182	5,3-	1	Khánh	lẻ

Tổng số sinh viên dự thi: 23.....

Tổng số tờ giấy thi: 23.....

Tổng số biên bản: 0.....

Ngày 22 tháng 06 năm 2026

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Phạm Thị Hồng

Phạm Thị Loan



653 - 687

DANH SÁCH SINH VIÊN ĐHCQ K12 THI HẾT HỌC PHẦN HK2 2025-2026

Học phần: Mô hình toán kinh tế

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	tên	Ngày sinh	Lớp	Lớp HP	Phách	Điểm thi	Số tờ	Ký nộp	Ghi chú
1	000692	1101030609	Ngô Gia	Lợi	23/10/2005	QT11B	15	653	3,5	01	Lời	Chấn
2	000693	1201030889	Vũ Quang Nam	Khánh	24/10/2006	QT12B	15	654	3,5	01	Khánh	le'
3	000694	1201031636	Nguyễn Trung	Kiên	29/09/2003	QT12B	15	655	5,5	01	Kiên	chấn
4	000695	1201030909	Đỗ Thị Diệu	Linh	28/08/2006	QT12B	15	656	8,5	01	liê	le'
5	000696	1201030919	Nguyễn Lê Phương	Linh	17/12/2006	QT12B	15	657	2,0	01	Linh	Chấn
6	000697	1201030931	Phạm Thùy	Linh	15/02/2006	QT12B	15	658	5,0	01	Ginh	le'
7	000698	1201030934	Tô Thị Yên	Linh	25/12/2006	QT12B	15	659	4,5	01	linh	chấn
8	000699	1201030947	Nguyễn Hữu Thành	Luân	28/04/2006	QT12B	15	660	3,5	01	Luân	le'
9	000700	1201030970	Trần Quang	Minh	08/02/2006	QT12B	15	661	9,5	01	Minh	chấn
10	000701	1201031560	Lê Đăng Trà	My	20/10/2006	QT12B	15	662	7,0	01	My	le'
11	000702	1201030983	Trịnh Kế	Năng	09/01/2005	QT12B	15	663	Không	01	Năng	chấn
12	000703	1201030995	Doãn Thị	Ngọc	10/09/2006	QT12B	15	664	4,5	01	Ngọc	le'
13	000704	1201031003	Nguyễn Thị Minh	Nguyệt	01/10/2006	QT12B	15	665	4,0	01	Nguyệt	Chấn
14	000705	1201031012	Lưu Hồng	Nhung	27/12/2006	QT12B	15	666	8,5	01	Nhung	le'
15	000706	1201031038	Nguyễn Thị Thu	Quyên	21/03/2006	QT12B	15	667	5,0	01	Quyên	Chấn
16	000707	1201031051	Dương Duy	Thái	01/09/2006	QT12B	15	668	6,0	01	Thái	le'
17	000708	1201031057	Đào Thị Phương	Thảo	28/10/2006	QT12B	15	669	2,5	01	Thảo	Chấn
18	000709	1201031071	Đặng Kim	Thu	10/10/2006	QT12B	15	670	Không	01	Thu	le'
19	000710	1201031574	Đào Thanh	Trà	23/11/2006	QT12B	15	671	4,5	01	Đào	Chấn
20	000711	1201031099	Nguyễn Thị Hồng	Trang	26/05/2006	QT12B	15	672	1,5	01	Trang	le'
21	000712	1201031107	Trịnh Thùy	Trang	21/09/2006	QT12B	15	673	2,5	04	Trang	Chấn
22	000713	1201031111	Nguyễn Quốc	Triệu	26/09/2006	QT12B	15	674	Không	01	Triệu	le'
23	000714	1201031127	Trần Anh	Tuyên	05/05/2006	QT12B	15	675	6,0	01	Tuyên	chấn
24	000715	1201031132	Hà Thị Mỹ	Uyên	19/10/2006	QT12B	15	676	5,5	01	Uyên	le'
25	000716	1201031150	Lê Ngọc	Yên	31/01/2006	QT12B	15	677	7,5	01	Yên	Chấn
26	000717	1201030702	Dương Thị Quỳnh	Anh	14/09/2006	QT12C	16	678	Không	01	Anh	le'
27	000718	1201030707	Lê Hồ Tuyết	Anh	20/10/2006	QT12C	16	679	7,5	02	Anh	chấn
28	000719	1201030713	Nguyễn Bùi Phương	Anh	21/04/2006	QT12C	16	680	1,5	01	Anh	le'
29	000720	1201030734	Quản Văn	Anh	10/07/2006	QT12C	16	681	7,0	01	Anh	chấn
30	000721	1201030746	Vũ Ngọc	Ánh	29/01/2006	QT12C	16	682	3,5	01	Ánh	le'
31	000722	1201030771	Bùi Hồng	Đặng	17/10/2006	QT12C	16	683	9,5	01	Đặng	Chấn
32	000723	1201030777	Vũ Tiến	Đạt	25/12/2005	QT12C	16	684	Không	01	Đạt	le'
33	000724	1201030783	Nguyễn Hữu Phú	Đức	13/07/2006	QT12C	16	685	Không	01	Đức	Chấn
34	000725	1201030792	Phạm Thị Thùy	Dung	30/10/2006	QT12C	16	686	4,5	01	Dung	le'
35	000726	1201030797	Đinh Thùy	Dương	22/03/2006	QT12C	16	687	6,5	01	Dương	Chấn

Tổng số sinh viên dự thi:.....33.

Tổng số tờ giấy thi:.....36.

Tổng số biên bản:.....0.

Ngày 12 tháng 6 năm 2026

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Đinh Thị Thiên

Vũ Thị Hương



98-126

DANH SÁCH SINH VIÊN ĐHCQ K12 THI HẾT HỌC PHẦN HK2 2025-2026

Học phần: Mô hình toán kinh tế

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	tên	Ngày sinh	Lớp	Lớp HP	Phách	Điểm thi	Số tờ	Ký nộp	Ghi chú
1	000727	1201030803	Phạm Văn Hoàng	Dương	14/02/2006	QT12C	16	98	3,5	01	Dương	Lẻ
2	000728	1201030806	Nguyễn Hoàng	Duy	06/01/2006	QT12C	16	99	2,0	01	Duy	chẵn
3	000729	1201030810	Chu Thị	Hà	13/05/2006	QT12C	16	100	9,0	01	Hà	Lẻ
4	000730	1201030816	Phạm Nam	Hải	18/09/2006	QT12C	16					HP,ĐK
5	000731	1201030819	Mai Thị	Hằng	05/11/2005	QT12C	16	101	1,5	01	Hằng	Lẻ
6	000732	1201030834	Nguyễn Trung	Hiếu	25/07/1999	QT12C	16	102	5,0	01	Hiếu	chẵn
7	000733	1201031553	Bế Thị Thu	Hoài	22/04/2006	QT12C	16	103	8,8	01	Hoài	Lẻ
8	000734	1201031764	Nguyễn Huy	Hoàng	22/07/2006	QT12C	16	104	Không	01	Hoàng	HP
9	000735	1201030857	Nguyễn Mạnh	Hùng	27/11/2006	QT12C	16	105	7,8	01	Hùng	Lẻ
10	000736	1201030873	Nguyễn Thị Khánh	Huyền	25/04/2006	QT12C	16	106	4,5	01	Huyền	chẵn
11	000737	1201030885	Trần Văn	Khánh	02/09/2006	QT12C	16	107	7,5	01	Khánh	Lẻ
12	000738	1201030890	Lý Duy	Khoa	15/09/2006	QT12C	16	108	2,0	01	Khoa	chẵn
13	000739	1201030900	Phạm Chi	Lan	12/04/2006	QT12C	16	109	1,5	01	Lan	HP Lẻ
14	000740	1201030926	Nguyễn Thị Ngọc	Linh	21/04/2006	QT12C	16	110	6,5	01	Linh	chẵn
15	000741	1201030932	Phan Thị Dương	Linh	16/09/2006	QT12C	16	111	2,0	01	Linh	Lẻ
16	000742	1201030946	Vũ Xuân Hoàng	Long	15/02/2006	QT12C	16	112	4,0	01	Long	chẵn
17	000743	1201030950	Dương Ánh	Ly	07/08/2006	QT12C	16	113	3,0	01	Ly	Lẻ
18	000744	1201030959	Nguyễn Đức	Mạnh	17/02/2006	QT12C	16	114	4,0	01	Mạnh	chẵn
19	000745	1201021804	Mai Kim Thành	Minh	09/12/2006	QT12C	16					ĐK
20	000746	1201030971	Trịnh Bảo	Minh	15/07/2006	QT12C	16					HP
21	000747	1201030974	Nguyễn Thị Trà	My	10/03/2006	QT12C	16	115	5,8	01	My	Lẻ
22	000748	1201030997	Lê Hà Tuấn	Ngọc	21/08/2006	QT12C	16	116	5,0	01	Ngọc	chẵn
23	000749	1201031007	Phạm Thị Yên	Nhi	03/09/2006	QT12C	16	117	8,8	01	Nhi	Lẻ
24	000750	1201031035	Vũ Đức	Quân	05/03/2005	QT12C	16	118	5,0	01	Quân	chẵn
25	000751	1201031041	Nguyễn Thị Như	Quỳnh	09/09/2006	QT12C	16					HP,ĐK
26	000752	1201031052	Nguyễn Đình	Thái	27/11/2006	QT12C	16					HP
27	000753	1201031058	Đỗ Bích	Thảo	15/11/2006	QT12C	16	119	5,5	01	Thảo	Lẻ
28	000754	1201031068	Nguyễn Đức	Thọ	17/11/2006	QT12C	16	120	1,5	01	Thọ	chẵn
29	000755	1201031089	Bùi Huyền	Trang	13/09/2006	QT12C	16	121	3,5	01	Trang	Lẻ
30	000756	1201031096	Nguyễn Quỳnh	Trang	01/01/2006	QT12C	16	122	6,0	01	Trang	chẵn
31	000757	1201020438	Nguyễn Quỳnh	Trang	04/12/2006	QT12C	16	123	1,5	01	Trang	Lẻ
32	000758	1201031101	Nguyễn Thị Thu	Trang	18/10/2006	QT12C	16	124	4,0	01	Trang	chẵn
33	000759	1201031121	Phạm Đắc Thái	Tuấn	28/09/2006	QT12C	16	125	8,0	01	Tuấn	Lẻ
34	000760	1201031129	Nguyễn Văn	Ước	28/03/2006	QT12C	16	126	5,0	01	Ước	chẵn

Tổng số sinh viên dự thi: 29

Tổng số tờ giấy thi: 29

Tổng số biên bản: 0

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Đỗ Thị Hồng Phức

Cao Thị Thu Hằng

Ngày 12 tháng 06 năm 2026



127 - 159

DANH SÁCH SINH VIÊN ĐHCQ K12 THI HẾT HỌC PHẦN HK2 2025-2026

Học phần: Mô hình toán kinh tế

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	tên	Ngày sinh	Lớp	Lớp HP	Phách	Điểm thi	Số tờ	Ký nộp	Ghi chú
1	000761	1201011772	Đào Phương	Anh	02/03/2006	TC12A	17	127	8,5	1	Anh	lẻ
2	000762	1201011153	Đỗ Quỳnh	Anh	27/09/2006	TC12A	17	128	10	1	Anh	chẵn
3	000763	1201011154	Đới Thị Phương	Anh	05/03/2005	TC12A	17	129	9,5	1	P.Anh	lẻ
4	000764	1201011161	Lê Thế	Anh	27/05/2005	TC12A	17	130	4,5	2	Anh	chẵn
5	000765	1201011166	Ngô Thu	Anh	18/07/2006	TC12A	17	131	10	1	Anh	lẻ
6	000766	1201011173	Nguyễn Quỳnh	Anh	04/03/2006	TC12A	17	132	9,5	1	Anh	chẵn
7	000767	1201011677	Lê Hồng	Ánh	30/11/2006	TC12A	17	133	3,5	1	Anh	lẻ
8	000768	1201011195	Đỗ Khánh	Chi	24/08/2006	TC12A	17	134	7,5	2	Chi	chẵn
9	000769	1201011203	Đỗ Tiến	Đạt	28/12/2006	TC12A	17	135	3,5	1	Đạt	lẻ
10	000770	1101010792	Nguyễn Ngọc	Diệp	06/02/2005	TC12A	17	136	3,5	1	Diệp	chẵn
11	000771	1201011209	La Thị Thu	Dung	23/07/2006	TC12A	17	137	9,5	1	Dung	lẻ
12	000772	1201011218	Trần Thuý	Dương	09/05/2006	TC12A	17	138	3,5	1	Dương	chẵn
13	000773	1201011219	Nguyễn Khánh	Duy	06/10/2006	TC12A	17	139	9,5	1	Duy	lẻ
14	000774	1201011222	Phạm Thị Mỹ	Duyên	18/03/2006	TC12A	17	140	10	1	Duyên	chẵn
15	000775	1201010812	Nguyễn Thái	Hà	30/09/2006	TC12A	17	141	7,5	1	Hà	lẻ
16	000776	1201011231	Vũ Thị Thu	Hà	27/07/2006	TC12A	17	142	8,0	1	Hà	chẵn
17	000777	1201011241	Phạm Thu	Hằng	26/09/2006	TC12A	17	143	5,0	1	Hằng	lẻ
18	000778	1201011255	Lê Thị	Hiếu	21/07/2006	TC12A	17	144	Không	1	Hiếu	chẵn
19	000779	1201011257	Nguyễn Minh	Hiếu	16/04/2006	TC12A	17	145	3,0	1	Hiếu	lẻ
20	000780	1201011264	Đàm Thu	Hoài	17/09/2006	TC12A	17	146	9,0	2	Hoài	chẵn
21	000781	1201011266	Vũ Đức	Hoàng	09/10/2006	TC12A	17	147	Không	1	Hoàng	lẻ
22	000782	1201011588	Hoàng Thị	Huệ	21/06/2006	TC12A	17	148	8,0	1	Huệ	chẵn
23	000783	1201011789	Phạm Hải	Huy	20/01/2006	TC12A	17					Vàng
24	000784	1201011291	Bùi Thị	Lan	26/11/2005	TC12A	17	149	7,5	1	Lan	chẵn
25	000785	1201030910	Đoàn Thị Khánh	Linh	19/01/2006	TC12A	17	150	4,8	1	Linh	lẻ
26	000786	1201011595	Nghiêm Thùy	Linh	11/11/2006	TC12A	17	151	4,5	1	Linh	chẵn
27	000787	1201011303	Nguyễn Hà	Linh	25/09/2006	TC12A	17					HP,ĐK
28	000788	1201011305	Nguyễn Khánh	Linh	20/06/2006	TC12A	17	152	10	1	Linh	chẵn
29	000789	1201011310	Nguyễn Thùy	Linh	03/02/2006	TC12A	17	153	5,8	1	linh	lẻ
30	000790	1201011316	Trịnh Lê Khánh	Linh	16/01/2006	TC12A	17	153	6,5	1	Linh	chẵn
31	000791	1201030939	Vũ Khánh	Linh	25/01/2006	TC12A	17	155	5,5	1	linh	lẻ
32	000792	1201011328	Nguyễn Thị Ngọc	Mai	09/09/2006	TC12A	17	156	9,0	1	Mai	chẵn
33	000793	1201011329	Phạm Ngọc	Mai	27/05/2006	TC12A	17	157	6,0	1	Mai	lẻ
34	000794	1201011332	Bùi Tiến	Minh	19/12/2006	TC12A	17	158	9,0	2	Minh	chẵn
35	000795	1201011334	Đình Nhật	Minh	25/11/2006	TC12A	17	159	7,5	2	Minh	lẻ

Tổng số sinh viên dự thi: 33.....

Tổng số tờ giấy thi: 33.....

Tổng số biên bản: 33.....

Ngày 10 tháng 1 năm 2026

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Trần Thị Lê

Trần Thu Nga



31 - 59

DANH SÁCH SINH VIÊN ĐHCQ K12 THI HẾT HỌC PHẦN HK2 2025-2026

Học phần: Mô hình toán kinh tế

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	tên	Ngày sinh	Lớp	Lớp HP	Phách	Điểm thi	Số tờ	Ký nộp	Ghi chú
1	000796	1201011349	Nguyễn Thị Kim	Ngân	12/11/2006	TC12A	17	31	5,5	01	Ngân	chẵn
2	000797	1201030994	Bùi Minh	Ngọc	06/09/2006	TC12A	17	32	8,5	01	Ngọc	lẻ
3	000798	1201011354	Lưu Minh	Ngọc	17/10/2006	TC12A	17	33	5,0	01	Ngọc	chẵn
4	000799	1201011358	Dư Thị Thảo	Nguyên	17/01/2006	TC12A	17	34	6,3	01	Nguyễn	lẻ
5	000800	1201011362	Bùi Phan Hà	Nhi	17/03/2006	TC12A	17					HP,ĐK
6	000801	1201011367	Đỗ Hồng	Nhung	16/02/2006	TC12A	17	35	4,0	01	Nhung	lẻ
7	000802	1201011380	Hoàng Lan	Phương	13/08/2006	TC12A	17					HP,ĐK
8	000803	1201011382	Nguyễn Nam	Phương	01/10/2006	TC12A	17	36	7,8	01	Phươn	lẻ
9	000804	1201011391	Nguyễn Mạnh	Quyền	11/10/2006	TC12A	17	37	6,0	01	Nguyễn	chẵn
10	000805	1201011397	Trần Thái	Son	16/06/2006	TC12A	17					HP,ĐK
11	000806	1201011399	Đỗ Thanh	Tâm	16/09/2006	TC12A	17	38	mười	01	Tâm	chẵn
12	000807	1201011401	Nguyễn Minh	Tâm	07/05/2006	TC12A	17	39	9,0	01	Tâm	lẻ
13	000808	1201011406	Hà Phương	Thảo	11/12/2004	TC12A	17	40	7,5	01	Thảo	chẵn
14	000809	1201011602	Phạm Phương	Thảo	29/09/2006	TC12A	17	41	8,8	01	Thảo	lẻ
15	000810	1201011413	Mai Tiến	Thọ	25/03/2006	TC12A	17	42	một	01	Thọ	chẵn
16	000811	1201011420	Nguyễn Thị	Thư	16/06/2006	TC12A	17					HP,ĐK
17	000812	1201011423	Lê Thị	Thùy	09/09/2006	TC12A	17	43	5,0	01	Thùy	chẵn
18	000813	1201011630	Lưu Quỳnh	Trâm	16/07/2006	TC12A	17	44	9,5	01	Trâm	lẻ
19	000814	1201011437	Đỗ Hà	Trinh	04/11/2006	TC12A	17	45	3,5	01	Trinh	chẵn
20	000815	1201011440	Hoàng Ngọc	Tú	03/01/2006	TC12A	17	46	5,5	01	Tú	lẻ
21	000816	1201011449	Nguyễn Xuân	Tùng	27/12/2006	TC12A	17	47	1,5	01	Tùng	chẵn
22	000817	1101010769	Nguyễn Thị Hải	Anh	01/09/2005	NH11A	18	48	2,0	01	Hải	lẻ
23	000818	1101011268	Nguyễn Văn	Dương	05/09/2003	NH11A	18	49	3,5	01	Dương	chẵn
24	000819	1201011160	Lê Mai	Anh	24/10/2006	TC12B	18	50	8,8	02	Anh	lẻ
25	000820	1201011171	Nguyễn Phương	Anh	15/09/2006	TC12B	18	51	5,0	01	PAnh	chẵn
26	000821	1201011581	Nguyễn Thị Lan	Anh	01/07/2006	TC12B	18	52	8,0	01	Anh	lẻ
27	000822	1201011179	Phạm Thị Vân	Anh	09/03/2006	TC12B	18	53	3,5	01	Anh	chẵn
28	000823	1201011183	Trần Phương	Anh	06/07/2006	TC12B	18	54	5,5	01	Anh	lẻ
29	000824	1201011187	Vũ Lan	Anh	26/03/2005	TC12B	18	55	không	01	Anh	chẵn
30	000825	1201011192	Phí Thái	Bảo	14/03/2006	TC12B	18	56	4,8	01	Bảo	lẻ
31	000826	1201011584	Trần Tuấn	Đạt	30/09/2006	TC12B	18	57	6,0	01	Đạt	chẵn
32	000827	1201011220	Vũ Thành	Duy	01/07/2006	TC12B	18	58	một	01	Duy	lẻ
33	000828	1201011229	Nguyễn Vũ Hải	Hà	23/06/2006	TC12B	18					ĐK
34	000829	1201011233	Đỗ Ngọc	Hải	20/08/2005	TC12B	18					HP
35	000830	1201011242	Ngô Thị Thu	Hạnh	14/10/2006	TC12B	18	59	mười	01	Hạnh	chẵn

Tổng số sinh viên dự thi: 29

Tổng số tờ giấy thi: 30

Tổng số biên bản: 2

Ngày 12 tháng 6 năm 2026

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Đỗ Thu Loan

Nguyễn Thị Hằng



HỌC VIỆN TÀI CHÍNH
PHÂN HIỆU HƯNG YÊN

Phòng thi: 26
Giảng đường: B15_CS2

DANH SÁCH SINH VIÊN ĐHCQ K12 THI HẾT HỌC PHẦN HK2 2025-2026

Học phần: Mô hình toán kinh tế

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	tên	Ngày sinh	Lớp	Lớp HP	Phách	Điểm thi	Số tờ	Ký nộp	Ghi chú
1	000831	1001020980	Nguyễn Thị Lan	Hương	30/12/2004	KD11A	18	30	Không	1	Hương	HP, ĐK
2	000832	1101010841	Vũ Duy	Kiên	01/09/2005	NH11A	18	29	3,0	1	Kiên	chấn
3	000833	0901030545	Lê Quang	Lâm	18/08/2003	QT9C	18					ĐK
4	000834	1201011245	Nguyễn Thu	Hiền	24/07/2006	TC12B	18	28	Mười	1	Hiền	chấn
5	000835	1201011256	Nguyễn Đình	Hiếu	29/08/2006	TC12B	18	27	3,3	1	Hiếu	lẻ
6	000836	1201011259	Nguyễn Phương	Hoa	04/08/2006	TC12B	18	26	8,0	1	Hoa	chấn
7	000837	1201011757	Nguyễn Xuân	Hoàng	03/10/2000	TC12B	18	25	3,0	1	Hoàng	lẻ
8	000838	1201011275	Phạm Phan Diệu	Hương	14/02/2006	TC12B	18	24	9,8	1	Hương	chấn
9	000839	1201011282	Hoàng Thanh	Huyền	23/07/2006	TC12B	18	23	8,3	1	Huyền	lẻ
10	000840	1201011301	Mai Thùy	Linh	21/11/2006	TC12B	18	22	4,0	1	Linh	chấn
11	000841	1201011302	Nguyễn Diệu	Linh	04/03/2006	TC12B	18	21	8,5	1	Linh	lẻ
12	000842	1201011304	Nguyễn Khánh	Linh	18/07/2006	TC12B	18	20	9,0	1	Linh	chấn
13	000843	1201011306	Nguyễn Khánh	Linh	27/05/2006	TC12B	18	19	Mười	1	Linh	lẻ
14	000844	1201011311	Nguyễn Thùy	Linh	15/03/2006	TC12B	18					HP
15	000845	1201011782	Trần Khánh	Linh	14/02/2006	TC12B	18	18	5,8	1	Linh	lẻ
16	000846	1201011321	Dương Hoàng	Long	14/09/2006	TC12B	18	17	6,5	1	Long	chấn
17	000847	1201011786	Nguyễn Thị Xuân	Mai	27/04/2006	TC12B	18	16	9,0	1	Mai	lẻ
18	000848	1201011333	Chu Quang	Minh	02/02/2006	TC12B	18	15	Mười	1	Minh	chấn
19	000849	1201011335	Lưu Quang	Minh	08/08/2006	TC12B	18	14	6,3	1	Minh	lẻ
20	000850	1201011598	Nguyễn Tân Hoàn	Mỹ	28/09/2006	TC12B	18	13	2,5	1	Mỹ	chấn
21	000851	1201011352	Bùi Minh	Ngọc	03/08/2006	TC12B	18	12	4,5	1	Ngọc	lẻ
22	000852	1201011356	Trần Hồng	Ngọc	01/12/2006	TC12B	18	11	9,0	1	Ngọc	chấn
23	000853	1201011360	Nguyễn Thảo	Nguyễn	30/01/2006	TC12B	18	10	6,5	1	Nguyễn	lẻ
24	000854	1201011363	Đoàn Yến	Nhi	10/12/2006	TC12B	18					HP, ĐK
25	000855	1201011366	Phạm Lan	Nhi	13/09/2006	TC12B	18	9	5,5	1	Nhi	lẻ
26	000856	1201011370	Vũ Thị	Nhung	15/06/2006	TC12B	18	8	6,5	1	Nhung	chấn
27	000857	1201010660	Nguyễn Nam	Phong	02/06/2002	TC12B	18					
28	000858	1201011373	Trần Quang	Phú	02/01/2006	TC12B	18	7	9,8	1	Phú	chấn
29	000859	1201011381	Nguyễn Linh	Phương	18/04/2006	TC12B	18	6	7,8	1	Phương	lẻ
30	000860	1201011385	Trần Mai Thu	Phương	21/12/2006	TC12B	18	5	3,0	1	Phương	chấn
31	000861	1201011387	Lê Đức	Quang	12/02/2006	TC12B	18					HP, ĐK
32	000862	1201011531	Hoàng Cao	Quyết	19/04/2005	TC12B	18	4	7,5	1	Quyết	chấn
33	000863	1201011398	Đỗ Ngọc Minh	Tâm	01/11/2006	TC12B	18	3	9,8	1	Tâm	lẻ
34	000864	1201011400	Nguyễn Đức	Tâm	27/04/2006	TC12B	18	2	3,0	1	Tâm	chấn
35	000865	1201011404	Lê Thị	Thanh	08/07/2006	TC12B	18	1	Mười	1	Thanh	lẻ

Tổng số sinh viên dự thi:.....30..

Tổng số tờ giấy thi:.....30..

Tổng số biên bản:.....0.....

Ngày tháng năm

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Nguyễn Thị Hải

Đường T. Trang



HỌC VIỆN TÀI CHÍNH
PHÂN HIỆU HƯNG YÊN

792-808

Phòng thi: 27
Giảng đường: B16_CS2

DANH SÁCH SINH VIÊN ĐHCQ K12 THI HẾT HỌC PHẦN HK2 2025-2026

Học phần: Mô hình toán kinh tế

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	tên	Ngày sinh	Lớp	Lớp HP	Phách	Điểm thi	Số tờ	Ký nộp	Ghi chú
1	000866	1101010713	Nguyễn Khánh	Toàn	25/12/2005	NH11A	18	808	3,5	01	Tân	chấn
2	000867	1201011060	Nguyễn Phương	Thảo	18/06/2006	TC12B	18	807	7,5	01	Thảo	lẻ
3	000868	1201011411	Trương Thị Thanh	Thảo	31/03/2005	TC12B	18	806	4,5	01	Thảo	chấn
4	000869	1201011421	Hà Bách	Thuận	25/12/2006	TC12B	18					ĐK
5	000870	1201011428	Phùng Hương	Trà	27/07/2006	TC12B	18	805	5,0	01	Tân	chấn
6	000871	1201011439	Bùi Duy	Trưởng	19/01/2006	TC12B	18	804	2,0		Trưởng	lẻ
7	000872	1201011442	Nguyễn Anh	Tú	23/09/2006	TC12B	18	803	7,5	1	Tú	chấn
8	000873	1201011658	Lê Ngọc Thảo	Vy	24/07/2006	TC12B	18	802	7,8	1	Vy	lẻ
9	000874	1201081639	Nguyễn Thu	An	07/03/2006	TM12A	19	801	5,0	1	An	chấn
10	000875	1201080541	Lê Tuấn	Anh	09/04/2006	TM12A	19					HP, ĐK
11	000876	1201080545	Trần Thị Vân	Anh	23/07/2006	TM12A	19	800	5,0	1	Anh	chấn
12	000877	1201080546	Trương Hà	Anh	28/12/2006	TM12A	19	799	6,0	1	Anh	lẻ
13	000878	1201081526	Vũ Quỳnh	Anh	08/09/2006	TM12A	19	798	4,5	1	Anh	chấn
14	000879	1201081793	Nguyễn Công	Bách	11/09/2006	TM12A	19	797	1,5	1	Bách	HP, lẻ
15	000880	1201030765	Đặng Biên	Cương	14/04/2006	TM12A	19	796	7,0	1	Cương	chấn
16	000881	1201080550	Nguyễn Bá	Đức	10/09/2006	TM12A	19	795	9,3	1	Bá	lẻ
17	000882	1201080551	Nguyễn Minh	Đức	07/10/2006	TM12A	19	794	6,5	1	Đức	chấn
18	000883	1201080552	Phạm Hoàng	Đức	02/02/2006	TM12A	19	793	không	1	Hoàng	lẻ
19	000884	1201081718	Trương Thanh	Đức	08/03/2006	TM12A	19	792	5,0	1	Đức	chấn

Tổng số sinh viên dự thi: 17

Tổng số tờ giấy thi: 17

Tổng số biên bản: 1

Ngày 12 tháng 6 năm 2026

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Hoàng Thị Ngọc

Dù Thị Liên



DANH SÁCH SINH VIÊN ĐHCQ K12 THI HẾT HỌC PHẦN HK2 2025-2026

Học phần: Mô hình toán kinh tế

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	tên	Ngày sinh	Lớp	Lớp HP	Phách	Điểm thi	Số tờ	Ký nộp	Ghi chú
1	000885	1001010827	Nguyễn Đức	Minh	23/03/2004	NH10A	19	507	5,0	1	Minh	Lẻ
2	000886	1201080554	Ngô Hoàng Ánh	Dương	07/01/2006	TM12A	19	508	2,0	1	Dg	Chẵn
3	000887	1201080557	Nguyễn Thị Mỹ	Duyên	22/10/2006	TM12A	19	509	3,5	1	Duyen	Lẻ
4	000888	1201080558	Phạm Mỹ	Duyên	07/12/2006	TM12A	19	510	mo	1	Duyen	Chẵn
5	000889	1201080560	Nguyễn Thị Ngân	Giang	08/07/2006	TM12A	19	511	6,0	1	Giang	Lẻ
6	000890	1201081788	Đỗ Thị Thu	Huệ	04/04/2006	TM12A	19	512	khong	1	Thu	Chẵn
7	000891	1201080565	Lê Thế	Hưng	21/08/2006	TM12A	19	513	6,0	1	Hung	Lẻ
8	000892	1201080567	Lê Thị Mỹ	Linh	24/08/2006	TM12A	19	514	5,5	1	Linh	Chẵn
9	000893	1201080568	Lương Thùy	Linh	26/10/2006	TM12A	19	515	7,8	1	Thuy	Lẻ
10	000894	1201081720	Ngô Mai	Linh	21/12/2006	TM12A	19	516	4,5	1	Mai	Chẵn
11	000895	1201080569	Ngô Thị Phương	Linh	26/03/2006	TM12A	19	517	5,5	1	Phuong	Lẻ
12	000896	1101081106	Trần Thị Thùy	Linh	21/10/2005	TM12A	19	518	5,0	1	Thuy	Chẵn
13	000897	1201080573	Nguyễn Tuấn	Long	04/03/2006	TM12A	19					Vắng
14	000898	1201081765	Đỗ Thị Thanh	Mai	18/04/2006	TM12A	19	519	5,0	1	Mai	Chẵn
15	000899	1201080579	Trần Thanh	Mai	09/10/2006	TM12A	19	520	6,5	1	Mai	Lẻ
16	000900	1201080580	Nguyễn Đức	Mạnh	12/12/2006	TM12A	19	521	3,0	01	Mai	Lẻ
17	000901	1201080581	Vũ Duy	Mạnh	07/12/2005	TM12A	19	522	9,5	01	Mai	Lẻ
18	000902	1201080582	Đỗ Thị Ngọc	Minh	16/05/2004	TM12A	19	523	3,5	02	Minh	Chẵn
19	000903	1201080583	Nguyễn Trà	My	06/11/2006	TM12A	19	524	9,5	01	my	Lẻ
20	000904	1201080585	Nguyễn Thu	Ngân	06/09/2006	TM12A	19	525	5,0	01	Thu	Chẵn

Tổng số sinh viên dự thi: 19

Tổng số tờ giấy thi: 19 + 1 = 20

Tổng số biên bản: 0

Ngày 12 tháng 6 năm 2026

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Đỗ Thị Nguyệt Mai Phạm Việt Phương



HỌC VIỆN TÀI CHÍNH
PHÂN HIỆU HƯNG YÊN

717-733

Phòng thi: 29
Giảng đường: B9_CS2

DANH SÁCH SINH VIÊN ĐHCQ K12 THI HẾT HỌC PHẦN HK2 2025-2026

Học phần: Mô hình toán kinh tế

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	tên	Ngày sinh	Lớp	Lớp HP	Phách	Điểm thi	Số tờ	Ký nộp	Ghi chú
1	000905	1101061080	Ngô Bảo	Ngọc	04/11/2005	KA11A	19	717	Không	01	Ngọc	USP
2	000906	1101020894	Nguyễn Minh	Thành	14/02/2005	KD11G	19	718	5,5	01	Thành	Chấn
3	000907	1201080586	Lê Hồng	Ngọc	19/12/2006	TM12A	19	719	8,5	01	Ngọc	le
4	000908	1201081664	Nguyễn Thị Quỳnh	Như	03/02/2006	TM12A	19	720	9,8	01	Shul	chấn
5	000909	1201080594	Vũ Trang	Nhung	24/09/2006	TM12A	19	721	5,5	01		le
6	000910	1201080595	Bùi Thị Kim	Oanh	02/09/2006	TM12A	19	722	9,5	01	Oanh	chấn
7	000911	1201081812	Mai Thiên	Tài	04/08/2006	TM12A	19	723	1,5	01	Tài	le
8	000912	1201080602	Lê Phương	Thảo	25/09/2006	TM12A	19	724	4,0	01	gk	chấn
9	000913	1201081604	Ngô Thanh	Thảo	22/09/2006	TM12A	19	725	7,0	01	th	le
10	000914	1201080603	Nguyễn Thu	Thảo	24/11/2006	TM12A	19	726	7,0	01	thảo	chấn
11	000915	1201080604	Hoàng Thị Mến	Thương	20/07/2006	TM12A	19	727	6,5	01	Thương	le
12	000916	1201080608	Nguyễn Thị Thanh	Thúy	31/05/2006	TM12A	19	728	9,8	01	Thúy	Chấn
13	000917	1201081534	Lê Ánh	Thủy	27/02/2006	TM12A	19	729	6,0	01	Thủy	le
14	000918	1201080609	Nguyễn Bích	Thủy	04/04/2005	TM12A	19					Bỏ thi
15	000919	1201070680	Lê Huyền	Trang	02/02/2006	TM12A	19	730	8,0	01	Trang	le
16	000920	1201020432	Lê Mai	Trang	14/11/2006	TM12A	19					ĐK
17	000921	1201080612	Lê Thị Thu	Trang	23/02/2006	TM12A	19	731	5,5	01	trang	le
18	000922	1201080615	Nguyễn Thị Phương	Uyên	15/12/2006	TM12A	19					ĐK
19	000923	1201080620	Đào Thị	Yến	18/04/2006	TM12A	19	732	3,5	01	Yến	le
20	000924	1201080621	Doãn Hải	Yến	11/07/2006	TM12A	19	733	2,0	01	Yến	chấn

Tổng số sinh viên dự thi: 17

Tổng số tờ giấy thi: 17

Tổng số biên bản: 0

Ngày 12 tháng 06 năm 2026

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Vũ Thị Hải

Đoàn Minh Sơn